|  |  |
| --- | --- |
| **Ngân hàng Phát triển châu Á** | **Chính phủ Việt Nam**  **Bộ Tài nguyên và Môi trường** |

**TA7629-VIE: Tăng cường năng lực quy hoạch tài nguyên nước lưu vực sông**

**Hợp phần 2: Nhiệm vụ quy hoạch cho lưu vực sông Hồng - Thái Bình**

**Hướng dẫn xây dựng Nhiệm vụ quy hoạch (Tóm tắt)**

Thực hiện cho:

**Cục Quản lý tài nguyên nước thay mặt cho Chính phủ Việt Nam**

**và Ngân hàng Phát triển châu Á**

Thực hiện bởi:

**Công ty TNHH AECOM châu Á**

****

**Tháng 6 năm 2013**

Lời cảm ơn

Hợp phần này của Dự án Hỗ trợ kỹ thuật - Tăng cường năng lực *CDTA 7629-VIE: Tăng cường năng lực quy hoạch tài nguyên nước lưu vực sông* hỗ trợ Bộ Tài nguyên và Môi trường tiến hành các hoạt động để xây dựng nhiệm vụ quy hoạch để quản lý tài nguyên nước ở lưu vực sông Hồng - Thái Bình. Nhiệm vụ quy hoạch được quy định trong Luật Tài nguyên nước sửa đổi và phải được thực hiện trước khi lập Quy hoạch tài nguyên nước. Nhiệm vụ quy hoạch đưa ra các kiến nghị và khung xây dựng quy hoạch tài nguyên nước lưu vực sông. CDTA này cũng nhằm xây dựng và thí điểm áp dụng khung hiệu quả-chi phí để lập nhiệm vụ quy hoạch và có thể nhân rộng ra các lưu vực sông khác ở Việt Nam.

Xin cảm ơn ông Des Cleary (chuyên gia quốc tế về quy hoạch tài nguyên nước lưu vực), bà Nguyễn Thị Phương Lâm (Phó cố vấn trưởng) và tiến sĩ Eric Biltonen (Cố vấn trưởng của Dự án HTKT này).

Tuyên bố hạn chế

Mục đích duy nhất của báo cáo này và các dịch vụ liên quan nhằm đưa ra hướng dẫn xây dựng nhiệm vụ quy hoạch theo đúng Luật Tài nguyên nước.

Sau một thời gian có thể cần phải đánh giá lại những phát hiện, đề xuất và kết luận trình bày trong báo cáo.

Không có gì đảm bảo hoặc bảo lãnh, dù là thể hiện hay hàm ý, về những thông tin được báo cáo hoặc những phát hiện, quan sát, kết luận đưa ra trong báo cáo. Hơn nữa, những thông tin, phát hiện, quan sát và kết luận như vậy chỉ dựa trên thông tin hiện có tại thời điểm soạn báo cáo.

**TA7629-VIE: Tăng cường năng lực quy hoạch tài nguyên nước lưu vực sông**

**Hợp phần 2: Nhiệm vụ quy hoạch cho lưu vực sông Hồng - Thái Bình**

**HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG NHIỆM VỤ QUY HOẠCH**

**Mục lục**

1. GIỚI THIỆU 5

2. BỐI CẢNH CỦA HƯỚNG DẪN NÀY 9

3. CÁC HOẠT ĐỘNG CHUẨN BỊ CHO NHIỆM VỤ QUY HOẠCH 10

3.1. Xác định ranh giới vùng quy hoạch 10

3.2. Sự tham gia của các bên liên quan 11

Những điểm quan trọng cần nhớ về sự tham gia của các bên liên quan 13

3.3. Xác định quan điểm chính sách để xây dựng quy hoạch 13

Cần làm gì 13

4. XÂY DỰNG NHIỆM VỤ QUY HOẠCH 15

4.1. Tập hợp thông tin và số liệu 15

Thông tin kỹ thuật về đặc điểm vật lý của nước 15

Thông tin về các khía cạnh phi vật lý của quản lý nước 18

Tập hợp thông tin 19

4.2. Thiết lập chức năng của nguồn nước, tầm nhìn và nguyên tắc 19

Xác định chức năng của nguồn nước đối với các nguồn nước chính của lưu vực 19

Xây dựng tuyên bố Tầm nhìn cho hoạt động quy hoạch 20

Xây dựng các nguyên tắc để quản trị hoạt động quy hoạch 21

4.3. Soạn Báo cáo Hiện trạng 21

Các chỉ số đánh giá để phân tích lưu vực 22

Các nghiên cứu ngành để phân tích lưu vực 23

Phân tích thể chế và luật pháp 26

Phân tích những khoản đầu tư lớn liên quan đến quản lý tài nguyên nước 26

Xác định các vấn đề chính 27

Viết Báo cáo Hiện trạng và lấy ý kiến góp ý 29

4.4. Sắp xếp các vấn đề theo thứ tự ưu tiên và xác định mục tiêu 30

Sắp xếp các vấn đề theo thứ tự ưu tiên 30

Đề ra mục tiêu cho quy hoạch và quản lý tài nguyên nước 31

Làm cho các mục tiêu trở nên "SMART" 32

4.5. Xác định các hoạt động quy hoạch tiếp theo (phương án và giải pháp) 32

Xác định các hoạt động quy hoạch tiếp theo 33

Sắp xếp công việc và nguồn lực để tiến hành các hoạt động quy hoạch tiếp theo của quy hoạch tài nguyên nước (QHTNN) 34

Kinh phí cần thiết để tiến hành các hoạt động QHTNN 35

Kế hoạch và thời gian thực hiện các hoạt động quy hoạch tiếp theo 36

Đánh giá các hoạt động của Nhiệm vụ quy hoạch 37

Viết tường tận kết quả cho các hoạt động quy hoạch tiếp theo 37

5. HOÀN CHỈNH NHIỆM VỤ QUY HOẠCH 39

5.1. Soạn thảo báo cáo dự thảo 39

5.2. Lấy ý kiến về báo cáo dự thảo 40

Mô tả các hoạt động 40

5.3. Giám sát và báo cáo 40

5.4. Hoàn thiện Nhiệm vụ quy hoạch 41

**TỪ VIẾT TẮT**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ADB |  | Ngân hàng Phát triển châu Á |
| Bộ LĐTBXH |  | Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội |
| Bộ NNPTNT |  | Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn |
| Bộ TNMT |  | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| Bộ XD |  | Bộ Xây dựng |
| BYT |  | Bộ Y tế |
| CLQGTNN |  | Chiến lược quốc gia về Tài nguyên nước |
| Cục QLTNN |  | Cục Quản lý Tài nguyên nước (Bộ TNMT) |
| ĐTM |  | Đánh giá Tác động Môi trường |
| EVN |  | Tập đoàn Điện lực Việt Nam |
| GDP |  | Tổng sản phẩm quốc nội |
| GIS |  | Hệ thống thông tin địa lý |
| GTF |  | Đội Công tác của Chính phủ |
| GWh |  | Giga oát giờ |
| HĐQGTNN |  | Hội đồng Quốc gia về Tài nguyên nước |
| HTKT |  | Hỗ trợ kỹ thuật |
| HTMT |  | Hiện trạng Môi trường |
| I&DSS |  | Tiểu ngành tưới, tiêu |
| KHPTKTXH |  | Kế hoạch Phát triển Kinh tế - xã hội |
| LVSHTB |  | Lưu vực sông Hồng - Thái Bình |
| MDG |  | Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ |
| NGO |  | Tổ chức phi chính phủ |
| QLTHTNN |  | Quản lý tổng hợp tài nguyên nước |
| SERC |  | Cụm các sông Đông Nam bộ |
| Sở TNMT |  | Sở Tài nguyên và Môi trường (thuộc tỉnh) |
| SPP |  | Kế hoạch tham gia của các bên liên quan |
| TPHCM |  | Thành phố Hồ Chí Minh |
| TCTK |  | Tổng Cục Thống kê (của Việt Nam) |
| VEA |  | Tổng Cục Môi trường Việt Nam (Bộ TNMT) |
| VND |  | Đồng Việt Nam |
| VPHĐQGTNN |  | Văn phòng Hội đồng Quốc gia về Tài nguyên nước |
| VWSA |  | Hội Cấp Thoát Nước Việt Nam |
| WASECO |  | Công ty Cấp thoát nước |
| WHO |  | Tổ chức Y tế Thế giới |
| WSR |  | Đánh giá Ngành Nước |
|  |  |  |
|  |  |  |

**CÁC ĐỊNH NGHĨA**

**Lưu vực sông** là vùng đất mà trong phạm vi đó nước mặt, nước dưới đất chảy tự nhiên vào sông và thoát ra một cửa chung hoặc thoát ra biển.

Lưu vực sông bao gồm cả những dòng sông vận chuyển nước cũng như mặt đất từ đó nước chảy vào các sông này, và tách biệt với các lưu vực lân cận bởi một đường chia nước.

**Tiểu lưu vực sông** là vùng đất mà trong phạm vi đó nước mặt, nước dưới đất chảy tự nhiên vào sông và thoát ra một cửa chung, thường là vào một con sông khác hoặc hồ hoặc cửa sông thuộc một lưu vực sông.

Các tiểu lưu vực sông thường dựa vào các con sông chính và sông nhánh của lưu vực và thường gồm cả các con sông vận chuyển nước cũng như mặt đất từ đó nước chảy vào các sông này và tách biệt với các tiểu lưu vực lân cận bởi một đường chia nước nằm trong lưu vực chung.

**TA7629-VIE: Tăng cường năng lực quy hoạch tài nguyên nước lưu vực sông**

**Hợp phần 2: Nhiệm vụ quy hoạch cho lưu vực sông Hồng - Thái Bình**

# GIỚI THIỆU

1. Đối tượng của Hướng dẫn này là các nhà quy hoạch tài nguyên nước, những người sẽ chịu trách nhiệm xây dựng Nhiệm vụ quy hoạch cho một lưu vực sông.
2. Nhiệm vụ quy hoạch được xác định trong Điều 20 của Luật Tài nguyên nước năm 2012 (Luật TNN).[[1]](#footnote-1)

**Điều 20. Nhiệm vụ quy hoạch tài nguyên nước**

1. Nhiệm vụ quy hoạch tài nguyên nước bao gồm các nội dung sau đây:

a) Đánh giá tổng quát về đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội, hiện trạng tài nguyên nước, tình hình bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra;

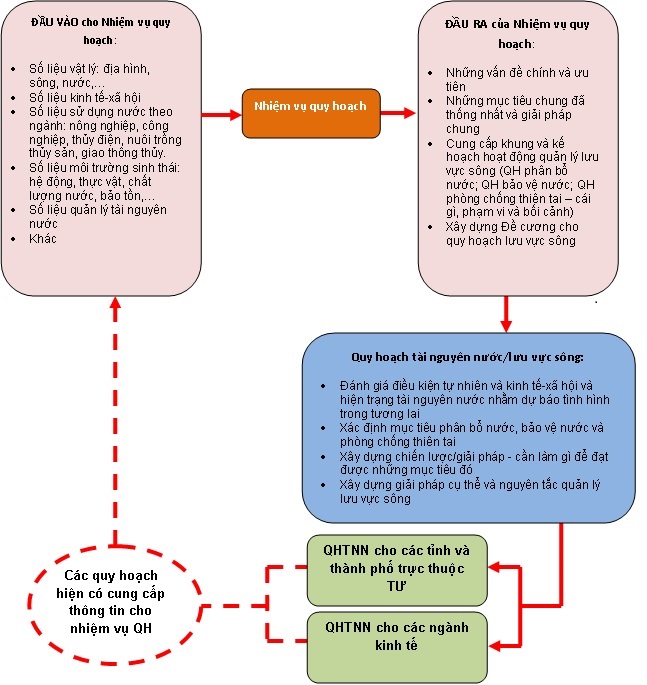
b) Xác định sơ bộ chức năng của nguồn nước, nhu cầu sử dụng nước, tiêu nước, các vấn đề cần giải quyết trong bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra;

c) Xác định đối tượng, phạm vi, nội dung quy hoạch nhằm bảo đảm chức năng của nguồn nước, giải quyết các vấn đề đã xác định tại điểm b khoản này;

d) Xác định giải pháp, kinh phí, kế hoạch và tiến độ lập quy hoạch.

2. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch tài nguyên nước có trách nhiệm phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch tài nguyên nước.

1. Nhiệm vụ quy hoạch tập trung vào các vấn đề, mục tiêu và giải pháp quản lý ở cấp cao, cụ thể là xác định những hoạt động tiếp theo cho quy hoạch tài nguyên nước lưu vực sông – trên thực tế là đặt ra “đề cương” cho quy hoạch lưu vực sông.
2. Nhiệm vụ quy hoạch đặt ra kết quả dài hạn cho lưu vực sông (tầm nhìn, chức năng của nguồn nước và các mục tiêu) và cả chỉ tiêu 5 năm cho quản lý nước tổng thể. Việc này dựa trên nguyên tắc liên tục cải tiến trong quản lý tài nguyên nước và dựa trên những lợi ích kinh tế và xã hội mà nguồn nước và các hệ sinh thái phụ thuộc đem lại cho cộng đồng.
3. Có nhiều hoạt động liên quan đến xây dựng nhiệm vụ quy hoạch. Những hoạt động này cung cấp thông tin và số dữ liệu (ĐẦU VÀO) cần thiết để lập Nhiệm vụ quy hoạch (ĐẦU RA) – Hình 1.



Hình 1: Nhiệm vụ quy hoạch và vị trí của chúng trong quy trình quy hoạch lưu vực sông

1. Nhiệm vụ quy hoạch tạo khung cho các hoạt động quy hoạch tài nguyên nước tiếp theo cho lưu vực sông. Quy hoạch lưu vực sông là cần thiết để tài nguyên nước được quản lý một cách hiệu quả vì lợi ích chung của tất cả các bên liên quan. Việc này đặc biệt cần thiết khi tài nguyên nước không đủ về lượng và chất để đáp ứng mọi nhu cầu, và/hoặc ở những nơi mà ô nhiễm, suy thoái và rủi ro thiên tai gây ra mối đe dọa cho cộng đồng. Quy hoạch cho phép các cấp ra quyết định chính sách và các nhà quản lý tài nguyên nước đưa ra các quyết định được thông tin tốt để đối phó với những thách thức hiện nay và trong tương lai, dựa trên thông tin và phân tích chắc chắn. Không có quy hoạch, quản lý nước sẽ thiếu định hướng và có thể làm tổn hại những người phụ thuộc vào nguồn nước đó.
2. Một khía cạnh của nhiệm vụ quy hoạch trong LTNN là đánh giá hiện trạng tài nguyên nước, bao gồm tài nguyên nước vật lý, nhu cầu và sử dụng nước, bảo vệ chất lượng và môi trường nước và bảo vệ và giảm thiểu những tác động tiêu cực do nước gây ra. Những đánh giá này cũng kiểm tra đặc điểm kinh tế - xã hội của lưu vực có liên quan đến quản lý nước. Những phân tích và phát hiện chính của đánh giá này được đưa vào Báo cáo Hiện trạng, việc soạn thảo Báo cáo Hiện trạng là một hoạt động chính trong hướng dẫn này.
3. Báo cáo Hiện trạng phải “toàn diện” nhưng không cần thiết phải “chi tiết”. Báo cáo Hiện trạng sẽ trình bày đủ thông tin để ra quyết định chắc chắn, nhưng không đi vào quá chi tiết.
4. Báo cáo Hiện trạng sẽ xác định những vấn đề chính của lưu vực, từ đó có thể xác định thành những ưu tiên, giải pháp và nhiệm vụ. Những vấn đề này sẽ bao trùm các khía cạnh về quản lý tài nguyên nước như giám sát nước, khả năng nguồn nước, thiên tai liên quan đến nước, chất lượng nước, môi trường liên quan đến nước, nguồn nước (kể cả các hồ chứa), khai thác cát, sỏi, vv, cũng như những vấn đề liên quan đến các ngành kinh tế - tưới, nông nghiệp, nước và vệ sinh môi trường đô thị, nước và vệ sinh môi trường nông thôn, công nghiệp, thủy điện, nuôi trồng thủy sản và giao thông thủy. Báo cáo Hiện trạng cũng sẽ đánh giá tính đầy đủ về thể chế, luật pháp và năng lực để quản lý hiệu quả tài nguyên nước, đặc biệt đối với Bộ TNMT.
5. Những vấn đề chính này sẽ liên quan tới một hoặc nhiều chức năng của nguồn nước, đó là những mục đích sử dụng nước có lợi. Trong quá trình lập báo cáo, các mục tiêu sẽ được xác định hoặc hình thành. Các mục tiêu sẽ xác định xem các bên liên quan muốn nước được quản lý, sử dụng và bảo vệ như thế nào. Đôi khi mục tiêu dựa trên cách giải quyết một vấn đề, nhưng khi khác bộ mục tiêu lại là cơ sở để xác định một vấn đề.
6. Các nhà quy hoạch sẽ xác định và chuẩn bị một loạt các hoạt động quy hoạch tiếp theo để giải quyết những vấn đề chính nhằm đạt được mục tiêu đề ra. Những hoạt động đó sẽ được trình bày trong Báo cáo Nhiệm vụ quy hoạch, trong đó tập hợp các bước nói trên để làm cơ sở xây dựng các hoạt động quy hoạch tiếp theo trong Nhiệm vụ quy hoạch.
7. Hướng dẫn Xây dựng Nhiệm vụ quy hoạch này cung cấp đề cương cấu trúc của tất cả các bước cần thiết để lập nhiệm vụ quy hoạch. Các bước này giải quyết những nội dung sau:

* Mô tả một số hoạt động cần thực hiện trước khi bạn thật sự bắt đầu quá trình quy hoạch.
* Soạn Báo cáo hiện trạng cho lưu vực sông, bao gồm xác định tất cả các vấn đề.
* Dựa trên Báo cáo hiện trạng, xác định danh mục các vấn đề ưu tiên mà Nhiệm vụ quy hoạch sẽ giải quyết cho lưu vực sông.
* Thiết lập mục tiêu quản lý tài nguyên nước (liên quan đến các chức năng chính của nguồn nước).
* Xác định một loạt các hoạt động quy hoạch tiếp theo nhằm chỉ ra cách thực hiện quy hoạch tài nguyên nước lưu vực sông.
* Soạn Báo cáo Nhiệm vụ quy hoạch.
* Thiết lập rõ chức năng nhiệm vụ, vai trò và trách nhiệm của các cơ quan sẽ thực hiện các hoạt động quy hoạch tiếp theo trong Nhiệm vụ quy hoạch, và bố trí sắp xếp giám sát, đánh giá và báo cáo cho các hoạt động quy hoạch này.

Cụ thể cấu trúc của các bước và báo cáo này được trình bày trong

Hình 2.

1. Xác định vùng quy hoạch – xác định vùng địa lý sẽ là đối tượng của các hoạt động quy hoạch tài nguyên nước

**I. Các hoạt động chuẩn bị - xây dựng thông tin cơ bản làm cơ sở cho quy hoạch**

**II. Lập nhiệm vụ quy hoạch – phân tích và đánh giá thông tin và số liệu để lập nhiệm vụ quy hoạch cụ thể dựa trên những vấn đề chính, những mục tiêu đã xác định**

**III. Hoàn thiện báo cáo – các hoạt động cuối cùng để hoàn thành báo cáo**

2. Sự tham gia của các bên liên quan – xác định các bên liên quan chính và xây dựng kế hoạch tham gia của các bên liên quan

4. Tập hợp thông tin và số liệu – xác định và thu thập thập thông tin yêu cầu

6. Báo cáo hiện trạng – Soạn báo cáo hiện trạng tài nguyên nước dựa trên phân tích các Chỉ số đánh giá, ý kiến chuyên gia, nghiên cứu ngành và tham vấn các bên liên quan. Mục đích của Báo cáo hiện trạng là xác định những vấn đề quan trọng trong quản lý nước.

8. Các hoạt động quy hoạch tiếp theo – Các hành động cụ thể, kể cả tổ chức thực hiện, kinh phí, nguồn lực cần thiết, kế hoạch và thời gian thực hiện các hoạt động quy hoạch.

7. Các vấn đề ưu tiên và mục tiêu – Sắp xếp vấn đề theo thứ tự ưu tiên để xác định những vân đề chính từ báo cáo hiện trạng. Đối với mỗi vấn đề cần xây dựng mục tiêu quy hoạch.

3. Xác định các quan điểm chính sách – xác định quan điểm chính sách chính liên quan đến quản lý và sử dụng tài nguyên nước để hướng dẫn việc lập nhiệm vụ quy hoạch

9. Soạn Báo cáo nhiệm vụ quy hoạch – các hoạt động quy hoạch cụ thể được tổ chức thành một dự thảo báo cáo nhiệm vụ quy hoạch theo những nội dung cụ thể của LTNN.

12. Hoàn thiện báo cáo – tổng hợp ý kiến của các bên liên quan vào dự thảo cuối cùng.

11. Thực hiện, giám sát và báo cáo – hoàn thiện sắp xếp, tổ chức thực hiện những nhiệm vụ quy hoạch cụ thể cùng với chương trình giám sát tiến độ.

10. Lấy ý kiến góp ý về báo cáo – Lấy ý kiến của các bên liên quan chính về Dự thảo Nhiệm vụ quy hoạch

5. Xây dựng tầm nhìn, chức năng và nguyên tắc – Xác định chức năng của nguồn nước (những mục đích sử dụng có lợi) và Tầm nhìn chủ đạo đối với lưu vực sông.

Hình 2: Cấu trúc của các bước lập Nhiệm vụ Quy hoạch

# BỐI CẢNH CỦA HƯỚNG DẪN NÀY

1. Nhiệm vụ quy hoạch là một danh mục có tổ chức và hợp lý của các hoạt động quy hoạch tiếp theo để lập quy hoạch tài nguyên nước cho một lưu vực sông. Những nhiệm vụ này dựa trên đánh giá nhanh toàn diện hiện trạng tài nguyên nước ở lưu vực, bao gồm tài nguyên nước, sử dụng nước và quản lý nước. Những nhiệm vụ này được thiết kế để chuyển từ cách tiếp cận Quy hoạch tổng thể sang cách tiếp cận tập trung hơn và hiệu quả hơn để giải quyết những vấn đề chính.
2. Nhiệm vụ quy hoạch tập trung vào các vấn đề, mục tiêu và giải pháp ở cấp cao. Nhiệm vụ quy hoạch sẽ:

* Xác định những vấn đề chính về tài nguyên nước, công tác quản lý, khai thác và sử dụng nước;
* Xác định chức năng của nguồn nước và mục tiêu mà hoạt động quy hoạch lưu vực sông cần đạt được;
* Xác định hoạt động quy hoạch ưu tiên - đâu là những vấn đề và khu vực chính cần có hoạt động quản lý. Ví dụ về vấn đề có thể là: giải quyết thiếu nước, kiểm soát ô nhiễm, chống lũ, bảo vệ tính ổn định của các công trình trên sông, hoặc quản lý nước dưới đất cho một vùng cụ thể;
* Đề xuất các hoạt động quy hoạch tiếp theo - cần làm gì để đạt được mục tiêu đề ra. Thực ra, đây chính là xây dựng “đề cương” cho quy hoạch lưu vực sông. Cũng có thể đề xuất nhiều hoạt động liên quan đến quy hoạch chung ngay trước mắt, như sự cần thiết của các chiến dịch nâng cao nhận thức cộng đồng, tăng cường năng lực, nghiên cứu hoặc giám sát đặc thù. Các hoạt động quy hoạch chi tiết sẽ được tiến hành trong giai đoạn quy hoạch tài nguyên nước tiếp theo cho các lưu vực sông.

1. Nhiệm vụ quy hoạch được thực hiện như một đánh giá nhanh về lưu vực sông. Luật quy định thời gian xây dựng nhiệm vụ quy hoạch không quá 6 tháng kể từ khi chính thức giao nhiệm vụ. Trong khung thời hạn này, nhiệm vụ quy hoạch phải dựa trên những kiến thức và hiểu biết hiện có và nhìn chung sẽ không có nghiên cứu hoặc giám sát bổ sung.
2. Nhiệm vụ quy hoạch cần xác định hoặc đặt ra mục tiêu dài hạn cho lưu vực sông (tầm nhìn, chức năng và mục tiêu của nguồn nước) và cả mục tiêu 5 năm cho quản lý nước tổng thể. Việc này dựa trên nguyên tắc liên tục cải tiến trong quản lý tài nguyên nước.
3. Để đảm bảo cải tiến liên tục thì các mục tiêu và chỉ tiêu quản lý lưu vực sông phải đáp ứng và thích ứng với các kiến thức nâng cao và những điều kiện và giá trị kinh tế và xã hội biến đổi. Quy hoạch quản lý cần được rà soát định kỳ 5 đến 10 năm một lần.

# CÁC HOẠT ĐỘNG CHUẨN BỊ CHO NHIỆM VỤ QUY HOẠCH

1. Cần tiến hành một số bước chuẩn bị quan trọng trước khi bắt đầu các hoạt động chính để xây dựng Nhiệm vụ quy hoạch. Các hoạt động chuẩn bị tập hợp một số mảng thông tin chính để tạo cơ sở tiến hành xây dựng Nhiệm vụ quy hoạch.

## Xác định ranh giới vùng quy hoạch

1. Lưu vực sông là một vùng tại đó nước mặt và nước dưới đất chảy tự nhiên vào một con sông và chảy ra tại một điểm chung hoặc chảy ra biển.[[2]](#footnote-2) Ranh giới địa hình chia cắt dòng chảy mặt giữa hai lưu vực được gọi là đường chia nước. Những hướng dẫn này tập trung vào quy hoạch cho các lưu vực sông liên tỉnh; đây chính là những quy hoạch sẽ do Bộ TNMT lập theo LTNN.
2. Nhiệm vụ đầu tiên là chuẩn bị bản đồ chi tiết trên đó ít nhất phải chỉ rõ các nội dung sau:

* Ranh giới của lưu vực theo đường chia nước. Đối với các lưu vực sông quốc tế có, ranh giới này có thể sang cả các quốc gia khác.
* Các tiểu lưu vực thủy văn là những vùng đất trong một lưu vực sông mà tại đó nước mưa chảy trên mặt đất hội tụ về một điểm.
* Các sông, suối và nguồn nước mặt khác (hồ, cửa sông, hồ chứa, kênh dẫn, vv) nằm trên các tiểu lưu vực.
* Những đặc điểm vật lý chính của lưu vực như độ dốc đất, sử dụng đất, vv.
* Nguồn nước dưới đất ở lưu vực. Việc xác định rõ quy mô nghiên cứu nước ngầm trong hoạt động quy hoạch cũng có ý nghĩa quan trọng. Nếu không, có nên tiến hành hoạt động quy hoạch quản lý nước dưới đất riêng không?
* Ranh giới hành chính của các tỉnh. Đối với nhiệm vụ quy hoạch, có thể chỉ cần chi tiết đến vậy, nhưng đối với quy hoạch lưu vực sông thì có thể cần có ranh giới ở cấp thấp hơn.
* Các trung tâm dân cư lớn;
* Các hệ thống thủy lợi lớn, kể cả ranh giới phục vụ và các công trình chính;
* Các cơ sở hạ tầng lớn trên dòng chính ví dụ các đập hoặc đập dâng thủy điện/thủy lợi, các nhà máy cấp nước và xử lý nước, các cửa cống, vv;
* Những đặc điểm kinh tế - xã hội và văn hóa quan trọng; và
* Những đặc điểm môi trường quan trọng (VD: các khu bảo tồn, các khu bảo tồn thiên nhiên hoang dã, các khu rừng phòng hộ).

1. Dựa trên những thông tin trên để viết phần mô tả lưu vực, các tiểu lưu vực và các tầng chứa nước.

*Lưu ý về xác định ranh giới nguồn nước dưới đất*

*Quản lý nước dưới đất ở một lưu vực sông lớn sẽ không hiệu quả nếu trước hết không xác định được từng đơn vị nguồn nước dưới đất.*

*Trong giai đoạn đầu, mục đích nhằm xác định các nguồn nước dưới đất riêng rẽ ở các tiểu lưu vực ở mức độ không chi tiết. Việc này cần có mô tả cơ sở và mô tả đặc điểm của mỗi nguồn nước dựa trên thông tin và số liệu hiện có. Cần có phần mô tả quy mô không gian của tầng chứa nước nếu có thể.*

*Việc phân định ranh giới của các nguồn nước dưới đất cần dựa trên đặc điểm địa chất hoặc địa chất thủy văn. Những đặc điểm này thường rất hay trùng với quy mô đặc điểm địa chất hoặc địa chất thủy văn và cần phải liên tục về địa chất thủy văn. Không sử dụng ranh giới hành chính để xác định ranh giới vùng quản lý nước dưới đất. Các vùng nước dưới đất nằm trên trên biên giới với các quốc gia láng giềng có thể là ngoại lệ duy nhất không áp dụng quy tắc này.*

*Có thể sử dụng các bản đồ địa chất tỉ lệ lớn để xác định ranh giới ban đầu. Có 4 loại địa chất lớn được kiến nghị, gồm:*

*1. Đất bồi*

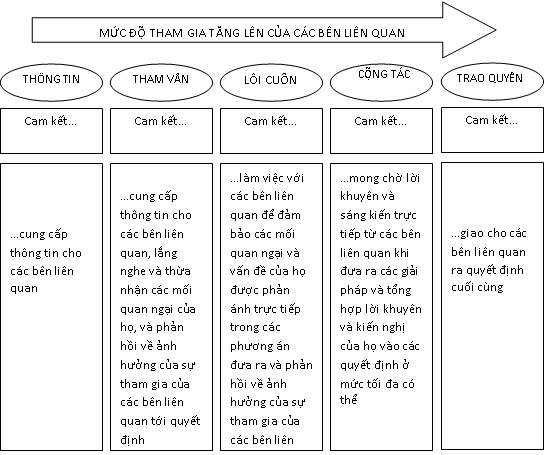
*2. Cát ven biển*

*3. Đá khe nứt*

*4. Đá vôi*

## Sự tham gia của các bên liên quan

1. Một phần quan trọng trong quy trình quy hoạch là sự tham gia tích cực của các bên liên quan. Tham gia là nguyên tắt cốt lõi của cách tiếp cận QLTHTNN trong quản lý nước. Sự tham gia của các bên liên quan là một quá trình hai chiều, cần thiết để:
2. Thu nhận phản hồi, thông tin và số liệu từ các bên liên quan để cung cấp thông tin cho các phân tích và đánh giá làm cơ sở để xây dựng nhiệm vụ quy hoạch và để giúp thiết kế các nhiệm vụ quy hoạch cụ thể, đó là:
   1. Xác định và chỉ rõ đặc điểm của các bên liên quan chính.
   2. Đánh giá cách thức có thể tác động hoặc bị tác động bởi nhiệm vụ quy hoạch hoặc kết quả của quy hoạch.
   3. Tìm hiểu mối quan hệ giữa các bên liên quan, kể cả đánh giá mâu thuẫn thật sự hoặc tiềm ẩn về lợi ích và kỳ vọng giữa các bên liên quan.
   4. Đánh giá năng lực tham gia của các bên liên quan.
3. Giáo dục và cung cấp thông tin cho các bên liên quan về quá trình quy hoạch và kết quả của quá trình quy hoạch.
4. Mức độ tham gia của các bên liên quan có thể thay đổi tùy theo mục đích, từ đơn giản là cung cấp thông tin cho các bên liên quan đến trao quyền đầy đủ, như thể hiện trong Hình 3.



Hình 3: Mức độ tham gia của các bên liên quan

1. Quá trình cộng tác hai chiều và tham vấn với các bên liên quan này giúp xây dựng sự tin cậy và hỗ trợ cho cả quá trình và kết quả rồi từ đó tạo thuận lợi cho những nỗ lực để đạt được kết quả của quy hoạch tài nguyên nước. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy sự tham gia là một trong những chìa khóa mở ra sự thành công lâu dài của hoạt động quy hoạch.
2. Các bên liên quan chính sẽ là những đối tượng liên quan đến những vấn đề chính ở lưu vực. Các bên liên quan chính đó là những người có thể bị ảnh hưởng hoặc gây tác động đến những vấn đề quan trọng ở lưu vực. Vì xây dựng Nhiệm vụ quy hoạch được xem là một đánh giá nhanh nên việc xác định và lôi cuốn các bên liên quan tham gia phải phù hợp với khung thời gian, kinh phí và nguồn lực sẵn có.
3. Trong bối cảnh Việt Nam hiện nay và để xây dựng nhiệm vụ quy hoạch, các nhà quy hoạch có thể đã hiểu rõ những vấn đề và các bên liên quan chính. Kiến thức này sẽ là cơ sở để lập danh sách sơ bộ các bên liên quan sẽ tham gia vào xây dựng Nhiệm vụ quy hoạch. Phụ lục A thảo luận chi tiết về quá trình quy hoạch với sự tham gia của các bên liên quan để có thể áp dụng. **Cuối cùng, chính các nhà quy hoạch sẽ quyết định quy mô và mức độ tham gia phù hợp của các bên liên quan.**
4. Các bên liên quan cần tham gia vào toàn bộ quá trình lập quy hoạch chứ không chỉ được báo cáo kết quả vào lúc cuối. Ngoài ra, SPP phải linh hoạt để có thể sửa đổi trong suốt quá trình quy hoạch khi xác định có thêm các bên liên quan và vấn đề.
5. Sau khi xác định được các bên liên quan chính, quy trình tham gia, các hoạt động và kết quả mong muốn, cần xây dựng SPP thành văn bản. Tài liệu này sẽ làm cơ sở để tiến hành các hoạt động tham gia khác nhau của các bên liên quan ở các giai đoạn khác nhau trong quá trình xây dựng Nhiệm vụ quy hoạch. Tài liệu này cũng bổ sung tính nhất quán và minh bạch cho quá trình quy hoạch.

### Những điểm quan trọng cần nhớ về sự tham gia của các bên liên quan

1. Nếu nguồn lực hạn chế thì quy mô tham gia của các bên liên quan phải thu hẹp lại. Ví dụ, với một quy hoạch gây tranh cãi, thay vì sử dụng một loạt các kỹ thuật để có được càng nhiều bên liên quan càng tốt thì có thể quyết định thành lập một nhóm cố vấn của các bên liên quan và dựa vào các thành viên của nhóm đó để trao đổi thông tin với những người ủy nhiệm cho họ.
2. Nhiệm vụ quy hoạch sẽ tập trung các vấn đề, kết quả và giải pháp ở cấp cao. Do đó, có lẽ đại diện của các bên liên quan tốt nhất nên từ các cơ quan cao nhất, hơn là các cơ quan chính quyền cấp tỉnh.
3. Các bên liên quan cho mỗi quy hoạch tài nguyên nước lưu vực sông cũng khác nhau vì các vấn đề cần giải quyết khá khác nhau và sẽ tác động đến những đối tượng khác nhau. Một số bên liên quan có lợi ích chung trong tất cả các vấn đê quy hoạch (VD các bên liên quan về môi trường), nhưng nhiều bên liên quan khác sẽ có lợi ích riêng trong mỗi vấn đề cụ thể (VD các ngành công nghiệp và kiểm soát ô nhiễm). Một số vấn đề có thể được xem xét trên quy mô toàn lưu vực (VD chống lũ) trong khi nhiều bên liên quan khác sẽ chỉ quan tâm đến một tiểu lưu vực hoặc một vùng cục bộ hơn nơi xảy ra vấn đế.
4. Một điều cũng quan trọng đó là đạt được sự cân bằng tốt giữa các bên liên quan chính sẽ tham gia. Các bên liên quan không nên bị chi phối bởi một nhóm lợi ích cụ thể nào, ví dụ phát triển kinh tế hay bảo vệ môi trường. Cần tìm cách đạt được sự cân bằng giữa các lợi ích kinh tế, môi trường và xã hội. Sự cân bằng về giới cũng quan trọng vì phụ nữ phụ thuộc nhiều vào tài nguyên nước theo nhiều cách khác nhau so với nam giới và họ có thể có quan điểm khác.

## Xác định quan điểm chính sách để xây dựng quy hoạch

1. Chính sách giúp đảm bảo có cách tiếp cận chung cho những khía cạnh quan trọng - như là xác định dòng chảy tối thiểu hay hành lang bảo vệ sông - và xây dựng sự cam kết của các bên liên quan. Một tài liệu chính sách bằng văn bản, được chính phủ thông qua một cách chính thức hay không chính thức, là một chỉ dấu có giá trị về định hướng của chính phủ. Điều này rất phù hợp khi xem xét một vấn đề phức tạp và liên quan đến nhiều ngành như tài nguyên nước, khi phải xem xét nhiều lợi ích khác nhau. Nếu không tài liệu chính sách đó, hoạt động quy hoạch sẽ có cách tiếp cận không theo thể thức nào cho những vấn đề chính, với các cách tiếp cận khác nhau áp dụng cho các lưu vực sông khác nhau. Các quan điểm chinh sách, bao gồm cả các chiến lược và chương trình, của nhà nước, các ngành và chính quyền các tỉnh sẽ tạo cơ sở để hình thành một tầm nhìn của lưu vực.

### Cần làm gì

1. Bộ TNMT có thể chuẩn bị các văn bản ghi lại quan điểm chính sách đã thống nhất về những vấn đề quy hoạch chính hoặc đưa ra quan điểm tạm thời nếu chưa có quan điểm chính thức. Các chủ đề có thể cần văn bản chiến lược hoặc chính sách ngành gồm như sau - có thể chuẩn bị tất cả hoặc vài chủ đề trong đó.

* Tư vấn chính sách cho những dòng sông có dòng chảy bị kiểm soát trực tiếp bởi các đập lớn
* Tư vấn chính sách đối với những dòng sông không bị điều tiết
* Tư vấn chính sách về nước dưới đất
* Tư vấn chính sách về vùng ven biển/cửa sông
* Tư vấn chính sách về toàn bộ nguồn nước

1. Bộ TNMT cần xác định một bộ các vấn đề chính sách sơ bộ cho Nhiệm vụ quy hoạch và cần mở rộng khi lập các quy hoạch tiếp theo.
2. Chính sách của nhà nước sẽ giúp đảm bảo tất các quy hoạch đều có chung cơ sở và cách tiếp cận thống nhất cho các vấn đề chính. Những văn bản đó không có dạng tuyên bố chính thức đã được phê duyệt mà có thể dưới dạng nguyên tắc chỉ đạo hoặc thậm chí là các chỉ thị đơn giản.

# XÂY DỰNG NHIỆM VỤ QUY HOẠCH

## Tập hợp thông tin và số liệu

### Thông tin kỹ thuật về đặc điểm vật lý của nước

1. Hầu hết lưu vực sông ở Việt Nam đều có ít số liệu và nếu có thì thường ít khi được chia sẻ. Do đó, việc thu thập thông tin và dữ liệu phải đầy đủ nhất có thể nhưng cũng phải hiểu rằng nhiều mục thông tin và số liệu sẽ không có được. Yêu cầu thông tin cho các phương án quy hoạch khác nhau cũng khác nhau - nhiệm vụ quy hoạch đỏi hỏi thông tin chi tiết ở mức độ thấp hơn so với một quy hoạch tài nguyên nước. Do vậy, bạn cần thay đổi danh sách nêu trong hướng dẫn này cho phù hợp với hoạt động quy hoạch cụ thể mà bạn đang tiến hành.
2. Thông tin về đặc điểm vật lý có thể gồm các khía cạnh như sau.
3. ***Đặc điểm chính về tự nhiên, kinh tế và xã hội của lưu vực là gì?***

* Đặc điểm hành chính: các tỉnh và huyện nằm trong lưu vực và các tiểu lưu vực.
* Đặc điểm tự nhiên: tài nguyên nước (dòng chảy, tổng lượng, thủy văn), các hệ thống sông, địa hình, sử dụng đất, địa chất, chế độ triều (nếu có), khả năng dễ bị thiên tai;
* Đặc điểm xã hội: dân số (đô thị và nông thôn), mật độ dân số, dân tộc, đói nghèo, việc làm/thất nghiệp;
* Đặc điểm kinh tế: tăng trưởng GDP của lưu vực/tiểu lưu vực/tỉnh so với toàn quốc; đóng góp cho GDP của các ngành chính - nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ; tiềm năng và sản lượng thủy điện, các khu tưới và khu công nghiệp chính, tính chất của các ngành (công nghiệp - các loại chính, số lượng và địa điểm; các làng nghề - những loại chính, số lượng và địa điểm; nông nghiệp - các loại cây trồng, diện tích và địa điểm; chăn nuôi – số lượng vật nuôi, địa điểm; nuôi trồng thủy sản - loại, diện tích, địa điểm; giao thông thủy - khối lượng vận chuyển, các cảng chính; du dịch - loại và địa điểm);
* Đặc điểm môi trường: chất lượng nước và môi trường, các khu bảo tồn, các vùng đất ướt và đặc điểm môi trường lớn (mục tiêu quản lý, diện tích và địa điểm), khu di sản và tuyến văn hóa/xã hội (loại, diện tích và địa điểm), các loài, công trình trên sông, các khu di sản và lịch sử.

1. ***Có bao nhiêu nước?***

* Các sông nhánh và phân lưu lớn ở lưu vực sông/tiểu lưu vực sông; chỉ ra mối quan hệ quốc tế nếu có.
* Diện tích lưu vực và các tiểu lưu vực và diện tích nằm ngoài lãnh thổ Việt Nam, nếu có. Cung cấp thông tin về diện tích hứng nước và chiều dài của các tiểu lưu vực/sông lớn.
* Bình quân (của lưu vực và các tiểu lưu vực):
  + Dòng chảy hàng năm;
  + Số tháng mùa khô / mùa mưa;
  + Dòng chảy mùa khô / dòng chảy mùa mưa;
  + Các chỉ số về diện tích ngập lũ (mực nước lũ ở một số vùng quan trọng, lưu lượng đỉnh lũ ở một số mặt cắt ngang sông và tần suất xuất hiện).
* Khả năng nguồn nước mặt theo lưu vực và các tiểu lưu vực - lượng nước theo đầu người (cả hiện tại và trong tương lai). [Lưu ý rằng theo tiêu chuẩn quốc tế, những vùng có lượng nước bình quân đầu người dưới 4.000 m3/người/năm được xem là những quốc gia không đủ nguồn cấp nước; những vùng có dưới 1.700 m3/người/năm bị căng thẳng về nước; và dưới 1.000 m3/người/năm bị khan hiếm nước thật sự].
* Dòng hồi quy hiện nay và vị trí hồi quy.
* Lượng nước mặt chảy tự nhiên giữa các tiểu lưu vực.
* Các công trình nước, hồ chứa và công trình chuyển nước lớn hiện có; và những hạn chế quan trọng của các công trình nước gây ra những vấn đề về cấp nước. Mô tả tác động của các hồ chứa hiện có đến dòng chảy.
* Các công trình chuyển nước liên lưu vực (hoặc tiểu lưu vực) hiện có.
* Thiệt hại do lũ, các công trình chống lũ hiện có; đưa ra bản đồ hoặc các chỉ số khác về mức ngập tối đa.
* Các tầng chứa nước lớn ở lưu vực (ranh giới, bản đồ); đối với mỗi tầng chứa nước hãy phác thảo loại tầng chứa nước, quy mô không gian và độ sâu, độ sâu của các vùng chứa nước chính, tầng chứa nước bổ cập thế nào và chảy đi đâu.
* Bổ cập tự nhiên hay năng suất bền vững (khả năng nguồn nước hiện có) của các tầng chứa nước đã được tính toán.
* Mối quan hệ giữa đất, nước mặt và nước dưới đất.
* Xác định nguồn nước của lưu vực/các tiểu lưu vực.

1. ***Bao nhiêu nước được khai thác và sử dụng?***

* Nhu cầu nước hàng năm và mùa khô hiện nay của tất cả các ngành, của lưu vực và các tiểu lưu vực và phân bố trong năm.
* Dung tích hữu ích của các hồ chứa.
* Nhu cầu nước mùa khô hiện nay của tất cả các ngành, của lưu vực và các tiểu lưu vực và phân bố trong mùa khô.
* Tính chất và quy mô thiếu nước hiện nay ở lưu vực và các tiểu lưu vực.
* Quy mô và mức độ nghiêm trọng của thiếu nước (quy mô, địa điểm và thời gian trong năm).

1. ***Cần có bao nhiêu nước trong tương lai?***

* Nhu cầu nước bình quân năm và mùa khô hiện nay và trong 20-25 năm nữa trong tương lai của mối ngành, mỗi tiểu lưu vực.
* Thiếu nước trong tương lai ở lưu vực và tiểu lưu vực (thời gian thiếu nước trong năm, hiện tại và trong 20-25 năm nữa trong tương lai).
* Thay đổi về các chỉ số hạn hán trong tương lai (quy mô, địa điểm và thời gian trong năm).
* Các vấn đề khác về cung và cầu nước?
* Nhu cầu nước cho môi trường hiện nay.
* Yêu cầu dòng chảy để ngăn mặn.
* Các dự án phát triển tài nguyên nước quan trọng (các dự án đã xác định và đã được phê duyệt, mục tiêu và quy mô) đến năm 2010 và 2025 ở các lưu vực sông.
* Chuyển nước liên lưu vực - các quy hoạch/dự án.

1. ***Tình hình ô nhiễm hiện nay và trong tương lai như thế nào (tập hợp ở quy mô tiểu lưu vực)?***

* Tiến độ xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định 64/2003/QĐ-TTg ở các tỉnh: bao nhiêu cơ sở được thống kê, bao nhiêu cơ sở đã hoàn thành xử lý, bao nhiêu cơ sở đang xử lý và ở quy mô nào và bao nhiêu cơ sở chưa xử lý. Lý do chưa tuân thủ.
* Tiến độ thi hành Nghị định 67/2003 đối với công nghiệp và sinh hoạt. Đối với mỗi tỉnh, tỉ lệ người xả thải đã nộp phí (tính riêng cho công nghiệp và sinh hoạt), số phí thu được là bao nhiêu, phần để lại địa phương được sử dụng thế nào?
* Số báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được Ban thẩm định xem xét và phê duyệt để các cơ sở sản xuất được vận hành và đầu tư vào các dự án nằm trong và ngoài các khu công nghiệp. Mô tả các hành động và hoạt động nhằm đảm bảo tuân thủ với các báo cáo đã được phê duyệt.
* Các nhà máy xử lý nước thải hiện có, mức độ xử lý và lượng nước thải được xử lý.
* Lượng nước thải sinh hoạt không được xử lý ở các tỉnh - chỉ rõ địa điểm của các nguồn đó.
* Lượng nước thải sinh hoạt dự kiến trong tương lai - chỉ rõ địa điểm của các nguồn đó.
* Lượng nước thải bệnh viện hiện tại và trong tương lai và địa điểm của các nguồn đó; chỉ rõ mức độ xử lý nếu có.
* Các cơ sở công nghiệp lớn và làng nghề đang xả nước thải, địa điểm, lượng nước thải dự kiến và mức độ xử lý trước khi thải.
* Lượng nước thải công nghiệp dự kiến trong tương lai.
* Chất lượng nước của các nguồn nước ở lưu vực như thế nào?
* Ô nhiễm nước mặt lớn thường xảy ra ở đâu và đâu là những điểm nóng về ô nhiễm? Tính chất của các chất gây ô nhiễm là gì (sinh học, hóa học, kim loại; mức độ chất lượng nước sông đối với các chỉ tiêu so với tiêu chuẩn quốc gia QCVN 08: 2008/BTNMT ở những địa điểm quan trọng)?
* Ô nhiễm nước dưới đất lớn thường xảy ra ở đâu và đâu là những điểm nóng về ô nhiễm? Mô tả khả năng bị ô nhiễm của tầng chứa nước. Tính chất của các chất gây ô nhiễm là gì (sinh học, hóa học, kim loại; mức độ chất lượng nước sông đối với các chỉ tiêu so với tiêu chuẩn quốc gia QCVN 08: 2008/BTNMT ở những địa điểm quan trọng)?
* Những chất gây ô nhiễm nào liên quan đến các nguồn ô nhiễm nào?
* Tác động của nước kém chất lượng đối với sức khỏe của con người và các hoạt động kinh tế (VD: chi phí xử lý nước cao hơn ở các nhà máy nước, chi phí cao hơn đối với các ngành công nghiệp, giảm số lượng thủy sản nuôi trồng, vv).
* Sử dụng thuốc trừ sâu và trừ cỏ trong nông nghiệp ở các tỉnh (lượng sử dụng theo mối loại cây trồng, theo từng vùng).

1. ***Sức khỏe môi trường của các nguồn nước ở lưu vực như thế nào?***

* Thành phần, sự dồi dào và điều kiện của thực, động vật và các cộng đồng sinh thái thủy sinh (trên sông), bao gồm các loài cá, động vật có vỏ, các loài, thực vật thủy sinh, và các loài không xương sống sống đáy.
* Thành phần, sự dồi dào và điều kiện của các loài thực, động vật và các cộng đồng sinh thái phụ thuộc vào nước khác, bao gồm các loài hiện có ở các vùng ngập lũ, đất ngập nước và ở vùng ven sông.
* Quy mô sông bị ảnh hưởng bởi các hoạt động của con người.
* Quy mô vùng ven sông bị ảnh hưởng bởi các hoạt động của con người.
* Quy mô các hồ chứa bị ảnh hưởng bởi các hoạt động của con người.
* Quy mô vùng cửa sông bị ảnh hưởng bởi các hoạt động của con người.

1. ***Những vấn đề vật lý khác có thể ảnh hưởng đến nguồn nước hoặc sức khỏe của nguồn nước là gì?***

* Tác động lên tài nguyên nước ở lưu vực thông qua các hoạt động như thay đổi về sử dụng đất, thảm phủ thực vật, vấn đề rừng ở lưu vực hoặc các hoạt động của con người như là khai thác cát.
* Vùng ven biển, các vấn đề về tính ổn định đáy sông/bờ sông.
* Tác động của biến đổi khí hậu - xác định những dự báo chính (20, 50, 100 năm) cho lưu vực sông/tiểu lưu vực sông về nhiệt độ, lượng mưa, dòng chảy sông, tính biến động theo mùa, thảm họa liên quan đến nước.

### Thông tin về các khía cạnh phi vật lý của quản lý nước

Cần xác định nguồn thông tin và số liệu để xác định các khía cạnh phi vật lý của quản lý nước, bao trùm các khía cạnh sau.

1. ***Những sắp xếp thể chế hiện có?***

* Những Bộ, Sở hoặc cơ quan chính phủ nào tham gia vào quản lý, điều tiết hay sử dụng nước? Trách nhiệm, nhiệm vụ và chức năng chính của họ là gì?
* Những hoạt động hiện nay của các thể chế này là gì (VD: cấp phép, điều tiết, vv)?
* Những sắp xếp về trao đổi thông tin và phối hợp hiện có giữa các tỉnh và giữa cấp tỉnh và trung ương? Mục đích và chức năng là gì?
* Các doanh nghiệp nhà nước lớn hiện nay hoạt động ở lưu vực - về cung cấp dịch vụ (các công ty thủy nông, các công ty cấp nước); đối với các mục đích thương mại (sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và đánh bắt); đối với giao thông đường sông; đối với du lịch.
* Hội dùng nước.
* Các NGO liên quan đến nước đang hoạt động ở lưu vực.

1. ***Các dịch vụ nước hiện đang được cung cấp?***

* Các dịch vụ hiện đang cung cấp – nước cho sinh hoạt, vệ sinh môi trường, tưới, tiêu, vv. Mô tả mức độ và quy mô của dịch vụ, diện phủ của dịch vụ, khoảng trống, người hưởng lợi, đáp ứng tiêu chuẩn, hiệu quả, vv.
* Mức phí dịch vụ hiện nay và chi phí hiện nay - ai trả tiền, bao nhiêu, tiền thu được được sử dụng như thế nào?
* Điều kiện của tài sản vật chất hiện nay để phục vụ cung cấp dịch vụ - đập, đập dâng, đường ống, trạm bơm, đê, vv.

***Các chức năng hiện nay của các nguồn nước chính là gì?***

1. “Chức năng” của một nguồn nước, theo LTNN, là một khái niệm mới đối với Việt Nam và các chính sách để xây dựng cách tiếp cận này và thực hiện nó chưa được phát triển đầy đủ. Tuy nhiên, xác định chức năng của nguồn nước đóng vai trò quan trọng trong việc xác định những vấn đề chính ở lưu vực sông. Các chức năng của nguồn nước được xác định trong nhiệm vụ quy hoạch sẽ có vai trò rất quan trọng trong các hoạt động quy hoạch tiếp theo, cũng như trong quản lý lưu vực sông kể cả cấp giấy phép khai thác nước và xả nước thải. Xem Phụ lục B để biết thêm thông tin về chức năng của nguồn nước.

* Các hộ sử dụng sông, hồ, hồ chứa, đất ngập nước, nước dưới đất, vv hiện nay ở lưu vực chính là xuất phát điểm để xác định chức năng của nguồn nước. Việc sử dụng hiện nay phải được xác định để đưa vào Báo cáo Hiện trạng.
* Những người xây dựng Nhiệm vụ quy hoạch (của một quy hoạch tài nguyên nước lưu vực sông) cần soạn một báo cáo về các chức năng hiện nay của lưu vực sông và lấy ý kiến của các bên liên quan nhằm đạt được sự đồng thuận của họ. Đây không phải là một tài liệu phức tạp - chỉ cần một bản đồ chỉ rõ các chức năng cho các đoạn sông khác nhau và phần giải thích các chức năng giả định. Bản dự thảo ban đầu có thể thay đổi khi lấy ý kiến của các bên liên quan cho đến khi đạt được sự nhất trí của các bên liên quan.

***Những hoạt động quản lý khác là gì?***

* Thông tin và số liệu hiện có - các chương trình điều tra và giám sát (nước mặt và nước dưới đất, số lượng và chất lượng, cấp quốc gia và tỉnh); các phòng thí nghiệm, sử dụng các mô hình thủy văn và các mô hình khác.
* Nhận thức/giáo dục cộng đồng – cho đến nay đã làm được những gì, diễn ra ở đâu, mục tiêu là gì, ai điều phối hoạt động đó, ai tham gia và đem lại lợi ích gì?
* Tăng cường năng lực, đào tạo liên quan đến nước, vv đã tổ chức - mục đích là gì, diễn ra ở đâu, ai điều phối hoạt động đó, tập huấn diễn ra như thế nào, ai tham gia và đem lại lợi ích gì?

### Tập hợp thông tin

1. Chỉ nên sử dụng các nguồn thông tin và số liệu hiện có để xây dựng Nhiệm vụ quy hoạch - không nên tiến hành điều tra hay khảo sát bổ sung. Trong quá trình phân tích, cần tiến hành rà soát kỹ thông tin và số liệu. Thông tin và số liệu có thể được tập hợp và phân tích theo chuỗi các báo cáo cơ bản cụ thể cho một ngành hoặc vùng nghiên cứu. Tuy nhiên, chính phân tích thông tin và số liệu này sẽ cung cấp hiểu biết sâu sắc cần thiết để xây dựng nhiệm vụ quy hoạch. Khi tiến hành phân tích và đánh giá, cần loại bỏ những thông tin và số liệu lạc hậu, không phù hợp và không cần thiết. Chỉ những thông tin và số liệu nào hỗ trợ cho việc xây dựng Nhiệm vụ quy hoạch mới nên đưa vào sản phẩm cuối cùng.
2. Thông tin và số liệu phải được trích dẫn nguồn đầy đủ (tên người hoặc tổ chức tác giả, năm công bố, tên báo cáo, vv)

## Thiết lập chức năng của nguồn nước, tầm nhìn và nguyên tắc

### Xác định chức năng của nguồn nước đối với các nguồn nước chính của lưu vực

1. Tham vấn các bên liên quan về các chức năng đã xác định hiện nay của các nguồn nước chính cần tìm ra và xác định được những chức năng mong muốn mà hiện chưa đáp ứng được do điều kiện của nguồn nước (VD: do ô nhiễm hoặc do giảm dòng chảy sông dưới tác động của con người). Nhiệm vụ này sẽ xem xét các chức năng hiện tại và tương lai để xây dựng các Chức năng của nguồn nước được thống nhất và sử dụng chúng cùng với các chính sách của nhà nước nhằm đặt ra Tầm nhìn cho lưu vực, xác định các vấn đề và giúp đề ra mục tiêu cho các hoạt động quy hoạch tiếp theo.
2. Hoạt động này cần được tiến hành đồng thời với xây dựng Tầm nhìn chung cho lưu vực sông. Từ Tầm nhìn đó và so sánh với các Chức năng hiện tại, có thể xác định chức năng tương lai của các nguồn nước chính. Trong nhiều trường hợp, chức năng tương lai có thể giống chức năng hiện tại, nhưng trong nhiều trường hợp khác thì có thể có nhiều chức năng mà hiện tại chưa đáp ứng được. Trong trường hợp như vậy, các “chức năng” đó trở thành một mục đích trong tương lai và sẽ giúp đề ra mục tiêu cho quy hoạch.
3. Kết quả sẽ là xác định được các chức năng tương lai cho các nguồn nước của lưu vực sông. Đây không phải là một tài liệu phức tạp- chỉ cần một bản đồ chỉ rõ các chức năng của nguồn nước cho các đoạn sông khác nhau và phần giải thích các chức năng đó.
4. Khi đã xác định được Chức năng của nguồn nước, các nhà quy hoạch có thể xác định được các vấn đề và đề ra mục tiêu quy hoạch và các hoạt động quy hoạch tiếp theo nhằm đảm bảo đạt được mục tiêu đó theo thời gian.

### Xây dựng tuyên bố Tầm nhìn cho hoạt động quy hoạch

1. Tuyên bố Tầm nhìn mô tả mục tiêu bao quát xét về giá trị (công việc cần thực hiện như thế nào). Đây là mô tả kết quả tốt nhất có thể trong tương lai. Tầm nhìn phản ánh hiện trạng của lưu vực và chỉ ra đích đến mà người dân của lưu vực mong muốn đạt được. Cuối cùng, tầm nhìn tạo ra kỳ vọng về cách thức quản lý và phát triển lưu vực. Khoảng cách giữa Tầm nhìn và hiện trạng sẽ giúp xác định các mục tiêu quy hoạch và các hoạt động cho Nhiệm vụ quy hoạch.

#### Tại sao tầm nhìn về nước lại quan trọng?

1. Việc đạt được tính bền vững đòi hỏi phải có tầm nhìn chiến lược với triển vọng dài hạn và kết nối nhiều quá trình phát triển khác nhau. Một tầm nhìn chiến lược về phát triển bền vững và quản lý tài nguyên nước ở cấp lưu vực hàm ý mối liên kết giữa kết quả dài hạn với những chỉ tiêu trung hạn hay hành động ngắn hạn.

#### Tầm nhìn là gì?

1. Tầm nhìn là một tuyên bố khái niệm mô tả một tình trạng trong tương lai. Tầm nhìn hướng tới một thời gian cho trước, thường là 20 năm sau và không nên quá xa.

Các ví dụ về Tầm nhìn về nước

**Lưu vực sông Ohio (Mỹ)**

“Tầm nhìn của chúng tôi là hỗ trợ và thực hiện quản lý tổng hợp tài nguyên của Lưu vực để đạt được tăng trưởng kinh tế bền vững, tính toàn vẹn về sinh thái và an toàn của cộng đồng.”

**Tầm nhìn về nước của Thái Lan**

“Đến năm 2025, Thái Lan sẽ có đủ nước có chất lượng tốt cho tất cả người dùng thông qua một hệ thống luật pháp, tổ chức và quản lý có hiệu quả mà có thể đảm bảo sử dụng bền vững và công bằng tài nguyên nước của đất nước có xem xét thỏa đáng đến chất lượng cuộc sống và sự tham gia của tất cả các bên liên quan.”

**Lưu vực sông Anambra-Imo (Nigeria)**

“Trở thành lưu vực sông tốt nhất của đất nước trong việc đáp ứng nhu cầu nước bền vững của tất cả mọi công dân ở vùng địa chính trị Đông Nam.”

1. Một vấn đề thường gặp phải đó là tầm nhìn có thể quá mơ hồ và không thể đạt được. Tốt nhất nên giới hạn trong bối cảnh tầm nhìn phát triển của quốc gia.

#### Các bước xây dựng tuyên bố tầm nhìn

1. Phần dưới đây phác thảo các bước để xây dựng một tuyên bố tầm nhìn:
2. Xây dựng một dự thảo tầm nhìn dựa trên:

* Giá trị đích thực, tốt nhất là được biểu thị thông qua các Chức năng đã xác định, của các nguồn nước của lưu vực đối với người dân, nền kinh tế, xã hội và quốc gia như là một chỉ dẫn cho phát triển lưu vực
* Xem xét các mục tiêu và chiến lược phát triển quốc gia hiện có đối với đất nước, các ngành, và đối với quản lý tài nguyên nước.
* Chính sách của nhà nước, các chương trình và chiến lược ngành, và quy hoạch và chiến lược của các tỉnh.

1. Gửi dự thảo đó đến các bên liên quan quan tâm và bị ảnh hưởng để lấy ý kiến góp ý, có thể tại một cuộc họp tham vấn các bên liên quan hoặc tại hội thảo khởi đầu;
2. Sửa lại bản dự thảo dựa trên ý kiến phản hồi. Tầm nhìn phải súc tích, gây cảm hứng và mang tính thúc đẩy.
3. Tuyên bố tầm nhìn sẽ tạo ra kỳ vọng về quản lý và phát triển tài nguyên nước bền vững, điều này sẽ có ý nghĩa đối với cách thức quản lý nước, kể cả những thay đổi có thể về cơ cấu quyền lực và ra quyết định theo kết quả của Nhiệm vụ quy hoạch hay quy hoạch tài nguyên nước cho một lưu vực sông. Việc này cần được thừa nhận và đánh giá một cách ý thức trong suốt quá trình quy hoạch. Mặc dù tuyên bố tầm nhìn phải táo bạo nhưng cần nhớ rằng cam kết chính trị là một phép thử sớm về khả năng có thể được chấp nhận của một quy hoạch tài nguyên nước.

### Xây dựng các nguyên tắc để quản trị hoạt động quy hoạch

1. Xác định Nguyên tắc là cơ sở để ra quyết định hoặc chỉ đạo một hành động. Các nguyên tắc tạo thành cơ sở để ra quyết định về một kế hoạch hay hoạt động. Các nguyên tắc thường được đưa vào văn bản luật pháp, chiến lược, hay chính sách. Các nguyên tắc thường không được xây dựng thông qua quá trình tham vấn các bên liên quan. Người chủ trì hoạt động quy hoạch cần soạn ra một bộ các nguyên tắc quản lý và cung cấp dự thảo đó cho các bên liên quan quan tâm và bị ảnh hưởng để lấy ý kiến góp ý. Điều 3 của LTNN quy định một số nguyên tắc quản trị tất cả các hoạt động tiến hành theo Luật và những nguyên tắc này cần tạo thành cơ sở của nguyên tắc quy hoạch.

## Soạn Báo cáo Hiện trạng

1. Soạn Báo cáo Hiện trạng là một trong những bước quan trọng và cơ bản nhất trong xây dựng Nhiệm vụ quy hoạch. Báo cáo hiện trạng đưa ra tổng quan về tài nguyên nước và hiện trạng quản lý và sử dụng nước của một lưu vực sông. Báo cáo cũng phân tích để xác định các vấn đề chính ở lưu vực sông. Báo cáo Hiện trạng cần đủ chi tiết để cung cấp thông tin cho quá trình ra quyết định về Nhiệm vụ Quy hoạch. Mặc dù Báo cáo Hiện trạng phải “toàn diện” về phạm vi, nhưng không nhất thiết phải rất “chi tiết” về quy mô.
2. Báo cáo Hiện trạng nên bao gồm những chủ đề sau:

A. Mô tả vật lý về lưu vực

B. Mô tả điều kiện kinh tế - xã hội của lưu vực

C. Hiện trạng tài nguyên nước mặt và nước dưới đất

D. Nhu cầu nước, khai thác và sử dụng nước cho các hoạt động kinh tế

E. Môi trường, bảo tồn và các loài

F. Hiện trạng luật pháp và thể chế cho quản lý tài nguyên nước

G. Đầu tư lớn liên quan đến nước

H. Tóm tắt các vấn đề

1. Khi soạn Báo cáo Hiện trạng cần thực hiện các công việc sau:

* Tính toán và phân tích các chỉ số đánh giá;
* Tiến hành các nghiên cứu ngành và khảo sát chuyên sâu để xác định thông tin, số liệu và vấn đề. Các nghiên cứu ngành cần do các cơ quan chính phủ thực hiện nhằm có được tiếng nói chính thức và cung cấp thông tin cho quá trình quy hoạch;
* Tiến hành phân tích luật pháp và thể chế;
* Phân tích những đầu tư lớn;
* Viết Báo cáo Hiện trạng;
* Lấy ý kiến về Báo cáo Hiện trạng – trình bày những phát hiện và vấn đề chính, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan và chỉnh sửa báo cáo. Quá trình tham vấn sẽ tạo sự tin cậy và chấp nhận kết quả của báo cáo, điều này sẽ hỗ trợ quá trình quy hoạch.

### Các chỉ số đánh giá để phân tích lưu vực

1. Mục đích chính của phân tích tiểu lưu vực nhằm khoanh vùng các vấn đề chính để các chi tiết của giải pháp sẽ trở nên chính xác và hiệu quả hơn. Điều quan trọng là phải có một phân tích chuẩn hóa trên khắp các tiểu lưu vực để việc so sánh giữa các tiểu lưu vực trở nên có giá trị. Về vấn đề này, một bộ **Các chỉ số Đánh giá** chuẩn hóa đã được phát triển và có thể áp dụng cho mỗi tiểu lưu vực, sử dụng thông tin hiện có và kết hợp những dự báo về tương lai, kể cả biến đổi khí hậu. Các chỉ số này bao quát tài nguyên nước, phát triển kinh tế, điều kiện xã hội và các yếu tố môi trường, và cho phép phân tích chuẩn hóa cho mỗi tiểu lưu vực, việc này có thể lặp lại trong tương lai để đánh giá tiến bộ đạt được.
2. Thông tin về các chỉ số và cách sử dụng và diễn giải chúng có trong ***Hướng dẫn sử dụng Các chỉ số về tài nguyên nước,*** đăng trên trang web của dự án và cần tải về để sử dụng.[[3]](#footnote-3) Hướng dẫn các chỉ số xác định mỗi chỉ số, thảo luận về kết quả, xác định yêu cầu số liệu để tính toán và thảo luận về ý nghĩa đối với Nhiệm vụ quy hoạch.
3. Hướng dẫn về chỉ số được hỗ trợ bởi một số bảng tính Excel, được chuẩn bị để minh họa cho những tính toán về chỉ số. Mỗi loại chỉ số nêu ở trên đều có một bảng tính và một bảng phân tích giúp phân tích kết quả. Các bảng tính này cũng có thể dùng làm mẫu cho tính toán của riêng bạn và cần tải về từ trang web của dự án để tiện sử dụng. Đề nghị đọc kỹ và tuân thủ các hướng dẫn về tải tài liệu về.
4. Sau khi hoàn thành tính toán và phân tích các chỉ số, cần soạn báo cáo các chỉ số, trong đó trình bày các nguồn số liệu đã sử dụng, các bảng, biểu kết quả và những phát hiện chính. Báo cáo chỉ số sẽ bao gồm kết quả và phát hiện cho toàn bộ bộ chỉ số đã tính toán. Báo cáo chỉ số cho lưu vực sông Hồng - Thái Bính hiện có trên trang web của dự án.
5. Những phát hiện được trình bày trong Báo cáo Chỉ số sẽ là những những đầu vào phân tích cho Báo cáo hiện trạng. Tuy nhiên, không phải tất cả các chỉ số đều cung cấp thông tin hữu ích, một số chỉ số có thể không quan trọng. Chỉ nên đưa vào Báo cáo hiện trạng những chỉ số minh họa những vấn đề chính. Hơn nữa, phần trình bày trong báo cáo hiện trạng cần thảo luận về cách diễn giải mỗi chỉ số và ý nghĩa đối với nhiệm vụ quy hoạch.

### Các nghiên cứu ngành để phân tích lưu vực

1. Mặc dù các chỉ số và phân tích chúng là một cách rất hiệu quả và hiệu năng để tạo ra một chỉ dấu cho nhiều vấn đề về tài nguyên nước và ngành nước nhưng chúng không thể bao quát được những vấn đề mang tính định tính về sử dụng và quản lý nước. Đánh giá các chỉ số cần được hỗ trợ bởi các nghiên cứu chi tiết về nhiều khía cạnh của quản lý tài nguyên nước, về quản lý và phát triển ngành nước. Các nghiên cứu chi tiết này cũng có thể cung cấp số liệu cơ bản để hoàn chỉnh các chỉ số khi không có các nguồn số liệu khác.
2. Thông tin gợi ý cho một nghiên cứu về tài nguyên nước và quản lý nước (VD: nước mặt, nước dưới đất, chất lượng nước, môi trường liên quan đến nước, vv) được trình bày trong Bảng 1.
3. Thông tin gợi ý cho các ngành nước khác - tưới, nông nghiệp, nước và vệ sinh môi trường đô thị, nước và vệ sinh môi trường nông thôn, thủy điện, công nghiệp, nuôi trồng thủy sản và giao thông thủy được trình bày trong Bảng 2.
4. Những báo cáo này là đánh giá nhanh và nên được tiến hành sớm trong giai đoạn xây dựng nhiệm vụ quy hoạch. Nếu làm chậm có thể nhiều thông tin và số liệu quan trọng chỉ có được khi đã quá muộn nên không thể sử dụng trong nhiệm vụ quy hoạch. Lý tưởng nhất là các nghiên cứu ngành liên quan đến ngành nước do các Cục, Vụ hoặc các trung tâm trực thuộc các Bộ liên quan thực hiện. Điều này sẽ tạo ra độ tin cậy về kết quả của Nhiệm vụ quy hoạch và cũng có thể dùng như một cơ chế quan trọng để lôi cuốn các bên liên quan tham gia. Khung thời gian để tiến hành một nghiên cứu ngành không nên quá 3 tháng.

Bảng 1: Phác thảo các nghiên cứu về tài nguyên nước

|  |  |
| --- | --- |
| **Khái quát về tài nguyên nước** | 1. Hiện trạng tài nguyên nước: số lượng, chất lượng, mô hình dòng chảy 2. Hiện trạng tài nguyên nước dưới đất 3. Khai thác và sử dụng nước; lũ lụt, tiêu và hạn hán 4. Chất lượng nước và suy thoái nguồn nước 5. Chất lượng, phân tích và nguồn thông tin và số liệu hiện có: nguồn thông tin và số liệu; chất lượng thông tin và số liệu 6. Quản lý tài nguyên nước 7. Thiên tai 8. Môi trường và các hệ sinh thái liên quan đến nước |
| **Xác định các vấn đề chính** | 1. Thảo luận về các vấn đề chính: (i) khả năng nguồn nước; (ii) khai thác và sử dụng nước (iii) chất lượng nước và cạn kiệt nguồn nước 2. Những hạn chế hiện nay và trong tương lai trong việc đạt được các mục tiêu liên quan đến sử dụng nước 3. Mối liên hệ giữa các ngành với sử dụng nước 4. Mối liên hệ giữa thượng - hạ lưu 5. Các vấn đề liên tiểu lưu vực 6. Các vấn đề quốc tế 7. Tác động: (i) của phát triển kinh tế đối với tài nguyên nước (ii) đối với xã hội và môi trường 8. Các hệ thống giám sát |
| **Sắp xếp thể chế và quản lý** | 1. Các chiến lược, kế hoạch và chương trình chính 2. Các bộ luật chi phối 3. Sắp xếp tổ chức    1. Quy hoạch    2. Quản lý    3. Điều tiết    4. Giám sát - thu thập và xử lý số liệu    5. Phân tích - nghiên cứu 4. Năng lực và khả năng của nguồn nhân lực 5. Các kênh trao đổi thông tin    1. Liên bộ    2. Liên cục, vụ    3. Trung ương với các cấp thấp hơn 6. Các công cụ chính sách    1. Ủy quyền và cấp phép    2. Thu phí sử dụng nước    3. Phí xả nước thải    4. Phạt và xử phạt 7. Kinh phí và nguồn tài trợ |
| **Dự báo về tài nguyên nước** | 1. Dự báo lượng sử dụng nước 2. Thay đổi về sử dụng đất 3. Tác động tiềm năng của biến đổi khí hậu |
| **Kiến nghị** | 1. Các hoạt động quy hoạch tiếp theo, sắp xếp thực hiện, kinh phí, kế hoạch thực hiện |

Bảng 2: Phác thảo về các nghiên cứu ngành nước

|  |  |
| --- | --- |
| **Khái quát chung về ngành nước** | 1. Mô tả chung về ngành 2. Các hoạt động sản xuất hoặc cung cấp 3. Việc làm 4. Đóng góp cho kinh tế của tiểu lưu vực, lưu vực và quốc gia 5. Cơ sở hạ tầng chính để cấp và thoát nước 6. Các nguồn nước chính 7. Mô hình sử dụng đất hoặc ý nghĩa |
| **Hồ sơ nhu cầu nước** | 1. Sơ bộ xác định các chức năng sử dụng nước 2. Định lượng nhu cầu nước    1. Thời gian    2. Số lượng    3. Chất lượng 3. Định lượng lượng xả và tiêu thoát |
| **Sắp xếp thể chế và quản lý** | 1. Các chiến lược, kế hoạch và chương trình chính 2. Các bộ luật chi phối 3. Sắp xếp tổ chức    1. Quy hoạch    2. Quản lý    3. Điều tiết    4. Giám sát - thu thập và xử lý số liệu    5. Phân tích - nghiên cứu 4. Các kênh trao đổi thông tin    1. Liên bộ    2. Liên cục, vụ    3. Trung ương với các cấp thấp hơn 5. Các công cụ chính sách    1. Ủy quyền và cấp phép    2. Thu phí sử dụng nước    3. Phí xả nước thải    4. Phạt và xử phạt |
| **Dự báo cho ngành, kể cả nhu cầu nước** | 1. Các mục tiêu cụ thể của ngành về tăng trưởng, sử dụng nước và xả nước thải 2. Dự báo lượng sử dụng nước kể cả các nguồn nước mà trong tương lai muốn sử dụng hoặc thay đổi sang các nguồn nước mới. 3. Thay đổi về sử dụng đất 4. Tác động tiềm năng của biến đổi khí hậu |
| **Xác định các vấn đề chính** | 1. Thảo luận về các vấn đề chính: các vấn đề trong sử dụng nước; các vấn đề liên quan đến liên ngành có liên quan đến các hoạt động quản lý tài nguyên nước 2. Những hạn chế hiện nay hoặc trong tương lai trong việc đạt được các mục tiêu liên quan đến sử dụng nước 3. Các vấn đề liên quan đến sử dụng nước ở các ngành khác |
| **Xác định các giải pháp tiềm năng để khắc phục vấn đề** | 1. Các hoạt động quy hoạch tiếp theo, sắp xếp thực hiện, kinh phí, kế hoạch thực hiện |

### Phân tích thể chế và luật pháp

1. Phân tích thể chế là một cấu phần quan trọng của Đánh giá hiện trạng và xây dựng Nhiệm vụ quy hoạch. Vì phân tích thể chế đòi hỏi phải có thông tin và đánh giá định tính về tính hiệu quả của sắp xếp nên các chỉ số không thể hỗ trợ đầy đủ cho việc này. Cần có nỗ lực khác để tiến hành phân tích và thể chế.
2. Rất nhiều thông tin để phân tích thể chế có thể lấy từ các nghiên cứu ngành. Các nghiên cứu ngành bao gồm phân tích chính sách, khung thể chế và điều chỉnh cho quản lý tài nguyên nước và các tiểu ngành liên quan. Quản lý nước thường nằm ở một số Bộ và tỉnh - có nhiều lợi ích và khía cạnh cần bao quát. Tuy nhiên, các nhà quy hoạch cần thu thập tất cả các thông tin về thể chế và luật pháp rồi tiến hành phân tích tổng hợp thông tin đó. Cần có quan điểm tổng hợp để xác định các vấn đề thể chế và luật pháp mà sẽ kìm hãm hoặc tạo thuận lợi cho quản lý tốt tài nguyên nước.
3. Cơ cấu thể chế ở Việt Nam khá phức tạp, vì vậy phân tích thể chế cần duy trì một quan điểm ở cấp cao. Phân tích thể chế phải có mục đích và bắt đầu từ cấp trung ương xuống đến cấp thấp hơn cần thiết. Hướng dẫn chung để tiếp cận phân tích thể chế như sau:
4. Xác định các Bộ chính quản lý nước mặt và nước dưới đất và các ngành sử dụng nước chính (VD: nông nghiệp, thủy điện, vv)
5. Lập hồ sơ cho mỗi thể chế về các cục, vụ hoặc trung tâm chịu trách nhiệm về quy hoạch, quản lý, số liệu và giám sát, nghiên cứu và phân tích.
6. Cấp tỉnh và huyện: Mỗi cơ quan cấp quốc gia cũng có thể cung cấp thông tin về cơ cấu và chức năng của các cơ quan ở cấp tỉnh và huyện, theo mục đích đã xác định.
7. Cần liên hệ với các UBND cấp tỉnh về công tác quy hoạch, sử dụng và giám sát tài nguyên nước ở cấp tỉnh.
8. Cách hiệu quả nhất để hoàn thành hồ sơ này là gặp trực tiếp mỗi cơ quan. Hoặc nếu cơ quan đó là trực thuộc một bộ hoặc một Cơ quan thuộc Bộ thì có thể gặp các nhà quản lý cấp trung ương để thu thập thông tin. Việc nghiên cứu trước các văn bản pháp luật về quyết định thành lập cơ quan đó sẽ rất có ích để có thể hiểu rõ trước khi đến gặp họ.
9. Thông tin từ các nghiên cứu ngành và phân tích tổng hợp này sẽ làm nổi bật những vấn đề chính về sắp xếp thể chế và luật pháp cho quản lý nước ở lưu vực. Những vấn đề chính là những điều kiện hiện tại hoặc tương lai mà sẽ cản trở việc quản lý tài nguyên nước hiệu quả và đạt được các mục tiêu đề ra. Ví dụ, thiếu cơ chế phối hợp về quy trình vận hành hồ chứa giữa phát thủy điện và nhu cầu tưới có thể là một vấn đề cần giải quyết. Những phát hiện này sẽ là phần chính của Báo cáo Hiện trạng.

### Phân tích những khoản đầu tư lớn liên quan đến quản lý tài nguyên nước

1. Đánh giá hiện trạng cần ghi lại những khoản đầu tư hiện có hoặc dự kiến liên quan đến ngành nước ở lưu vực. Các khoản đầu tư đó có thể từ chính phủ, khu vực tư nhân, hoặc các đối tác phát triển quốc tế. Đánh giá hiện trạng cần xác định xem các khoản đầu tư đó là gì, do ai đầu tư, diễn ra ở đâu, làm lợi cho ai và tác động như thế nào lên tài nguyên nước ở lưu vực và tiểu lưu vực. Thông tin này sẽ bổ sung cho thông tin về ngân sách của nhà nước trong phần hồ sơ thể chế để hoàn chỉnh bức tranh về đầu tư cho tài nguyên nước ở các tiểu lưu vực.
2. Thông tin từ phần này sẽ giúp bổ sung chi tiết cho những phần mà một số vấn đề có thể đã hoặc sẽ sớm được giải quyết. Phần này sẽ được phản ánh trong nhiệm vụ quy hoạch. Ví dụ, đầu tư cho một khu công nghiệp mới sẽ làm tăng sự cần thiết phải quy hoạch cấp nước, xử lý và thoát nước, và bảo vệ môi trường.

### Xác định các vấn đề chính

1. Quy trình được phát triển để xây dựng Nhiệm vụ quy hoạch rõ ràng gồm một số phương pháp để xác định vấn đề. Sử dụng nhiều phương pháp sẽ có quan điểm toàn diện hơn cũng như cho phép các cách tiếp cận đáng tin cậy và xác thực hơn. Cách tiếp cận này dựa trên phân tích kỹ thuật, kiến thức quản lý, ý kiến chuyên gia và phản hồi của các bên liên quan.
2. Mặc dù các hoạt động trước đó đã tạo ra rất nhiều thông tin và số liệu và các chỉ số cho phép xác định nhanh vấn đề ở lưu vực và các tiểu lưu vực cũng như giữa các tiểu lưu vực, nhưng vẫn cần phải phân tích rất kỹ thông tin và số liệu. Các vấn đề không dễ dàng tự bộc lộ, đặc biệt xét về thứ tự ưu tiên. Một số vấn đề rất rõ ràng, một số thì cần phải xem xét trong bối cảnh quản lý tài nguyên nước để đáp ứng nhu cầu hoặc mục tiêu. Một số vấn đề chỉ phát hiện được khi xâu chuỗi các mẩu thông tin khác nhau. Việc xác định vấn đề sẽ liên quan đến phân tích của từng cá nhân và tư duy của tập thể.
3. Khung cơ bản để tiếp cận xác định vấn đề là tìm ra những nơi mà tài nguyên nước và công tác quản lý không thể đáp ứng được nhu cầu nước và mục tiêu đề ra, không thể đạt được sử dụng bền vững và bảo vệ nguồn nước, hoặc không thể phòng chống được các thiên tai liên quan đến nước. Sau đó cần giới hạn các vấn đề đó trong bối cảnh của:

* Tâm quan trọng của các hoạt động kinh tế phụ thuộc vào nước đối với tiểu lưu vực, lưu vực và quốc gia;
* Tầm quan trọng của các điều kiện xã hội liên quan đến nước đối với tiểu lưu vực, lưu vực và quốc gia như là việc làm, an ninh lương thực, đói nghèo, y tế, cấp nước và vệ sinh môi trường, và khả năng dễ bị tổn thương trước các thảm họa liên quan đến nước;
* Tầm quan trọng của hiện trạng và điều kiện môi trường và sinh thái đối với tiểu lưu vực, lưu vực và quốc gia như ô nhiễm, mất môi sinh tự nhiên hoặc các loài, điều kiện lưu vực bị suy thoái; và,
* Mức an ninh nước tương đối hiện nay và trong tương lai, kể cả những thay đổi về sử dụng nước ở các quốc gia thượng lưu và dự báo về biến đổi khí hậu.

#### Xác định vấn đề từ các Chỉ số đánh giá

1. Các chỉ số đánh giá cung cấp một phân tích có tính hệ thống và minh bạch về các khía cạnh khác nhau của tài nguyên nước mà có thể kiểm tra để xác định những vấn đề chính. Có thể nghiên cứu các chỉ số này để xác định xem liệu vấn đề nào đó có hiện hữu ở lưu vực hay không, hiện hữu ở đâu và ở quy mô nào. Kết quả nghiên cứu cần đưa vào Báo cáo Hiện trạng. Các nhà quy hoạch cần lưu ý những điểm này.
2. Cần nghiên cứu riêng từng chỉ số đánh giá. Một số vấn đề sẽ trở nên rõ ràng từ kết quả của một chỉ số duy nhất.
3. Có thể kết hợp và phân tích chung các chỉ số đánh giá để xem liệu kết hợp một số chỉ số nào đó có chỉ ra được những vấn đề hoặc giải pháp tiềm năng hay không. Ví dụ, khả năng nguồn nước thấp trong mùa khô, kết hợp với nhu cầu tưới cao trong mùa khô và dung tích trữ ở thượng lưu có thể chỉ ra sự cần thiết phải có quy trình vận hành tổng hợp đối với các đập ở thượng lưu. Hoặc chất lượng nước kém ở một vùng có nhu cầu nước sinh hoạt cao có thể chỉ ra sự cần thiết phải có những nỗ lực khôi phục dòng sông, phải có các nguồn cấp nước khác, hoặc phải có các quy định và thi hành xả nước nghiêm ngặt hơn.
4. Không có kế hoạch mẫu nào cho loại phân tích tổng hợp thế này. Tuy nhiên, các nhà quy hoạch cần suy nghĩ về các chức năng và nhiệm vụ quản lý nước của Bộ TNMT vì liên quan đến giúp cấp nước thỏa mãn được nhu cầu nước và bảo vệ nguồn nước (chức năng và mục tiêu của nguồn nước). Đầu vào từ các nghiên cứu ngành và tham vấn với các bên liên quan cũng sẽ làm nổi bật vấn đề và có thể sử dụng các Chỉ số đánh giá để xác nhận những vấn đề này.
5. Để hỗ trợ hoàn thành phân tích này, tất cả kết quả của các chỉ số được đưa vào một bảng tính - “Bảng tính 7-Các bảng tính ví dụ - Phân tích”. Kết quả từ tất cả các bảng tính chỉ số được tự động chuyển vào bảng tính này với điều kiện bạn đã liên kết tất cả các bảng đang sử dụng như đã nêu trong hướng dẫn tải tài liệu trên trang web của dự án.
6. Có thể tiến hành phân tích kết quả chỉ số chi tiết hơn theo hai cách sau:

* Xem xét các nhóm chỉ số có thể cho phép bạn tìm ra được một số vấn đề chính như: sự phụ thuộc vào nguồn nước quốc tế, khả năng nguồn nước mùa khô, khai thác nước hàng năm và mức căng thẳng, trữ nước và sự tương tác giữa các yếu tố đó, dân số và tăng trưởng dân số, đói nghèo hoặc liên kết các chỉ số giữa đói nghèo và GDP bình quân đầu người thấp, cung cấp dịch vụ nước đô thị công bằng, cung cấp dịch vụ nước nông thôn công bằng, thiên tai, phát triển kinh tế, sử dụng nước hiệu quả và tiết kiệm, bảo vệ các vùng sinh thủy, bảo vệ các hệ sinh thái liên quan đến nước, duy trì dòng chảy tự nhiên ở lưu vực, chất lượng nước, điều tra cơ bản và đánh giá, sử dụng các công cụ điều tiết (cấp phép, ĐTM), sử dụng các công cụ kinh tế.
* Xem xét riêng từng tiểu lưu vực. Phân tích kết quả của chỉ số đối với từng tiểu lưu vực để tìm ra đặc điểm của tiểu lưu vực, những vấn đề chính, mối liên hệ giữa các tiểu lưu vực và vị trí của mỗi tiểu lưu vực trong bối cảnh chung của toàn lưu vực. Bạn cần chuẩn bị một bản tóm tắt cho mỗi tiểu lưu vực.

#### Xác định vấn đề từ các Nghiên cứu ngành

1. Các nghiên cứu ngành nên do các Cục, Vụ hoặc trung tâm thuộc các Bộ trực tiếp quản lý một ngành cụ thể thực hiện. Các nghiên cứu ngành thường yêu cầu xác định những vấn đề chính. Những vấn đề này cần liên kết với những thông tin và số liệu hỗ trợ trong nghiên cứu. Có thể cần phải làm rõ tại sao lại xác định đó là vấn đề?
2. Về bản chất, các nghiên cứu ngành sẽ cụ thể theo từng ngành. Các vấn đề đưa ra phải được đánh giá xem nơi nào thì chúng có thể là vấn đề đan xen với các ngành khác. Ngoài ra, cần xác định cả những vấn đề còn thiếu. Ví dụ, một nghiên cứu ngành về sử dụng nước công nghiệp có thể bỏ qua các vấn đề liên quan đến xử lý và xả nước thải. Trong khi đó, một nghiên cứu ngành về tài nguyên nước có thể đã xác định nhiều vấn đề về chất lượng nước xung quanh các khu công nghiệp. Vấn đề này cần được xác định rõ và liên kết với nhau.
3. Các nhà quy hoạch có trách nhiệm đặt các vấn đề cụ thể của ngành trong xếp hạng ưu tiên chung của tất cả các vấn đề. Việc này có thể được thực hiện bằng cách rà soát các vấn đề trong khung đã trình bày trước đây liên quan đến tầm quan trọng đối với nền kinh tế và việc làm, cũng như mức độ sử dụng nước. Điều quan trọng là phải tạo ra tính tin cậy và xác thực bằng cách đảm bảo tất cả các nguồn thông tin đều được sử dụng đúng chỗ, với đầy đủ ngày tháng và nguồn số liệu

#### Xác định vấn đề qua tham vấn với các bên liên quan

1. Tham vấn với các bên liên quan nhằm mục đích tìm ra các vấn đề để làm cơ sở cho các phân tích tiếp theo. Các bên liên quan có thể bổ sung những hiểu biết sâu sắc về tác động của các vấn đề cụ thể đến hộ dùng nước đầu cuối. Các vấn đề do các các bên liên quan đưa ra có ý nghĩa quan trọng để tạo ra độ tin cậy cho kết quả cũng như tạo sự ủng hộ trong quá trình quy hoạch và chấp nhận kết quả sau này. Rất có thể các vấn đề do các bên liên quan xác định sẽ rất chung chung về tính chất mà không có phân tích hay thông tin, dữ liệu bổ trợ.
2. Các nhà quy hoạch cần rà soát lại các vấn đề để xác nhận sự hiện hữu của chúng và đánh giá mức độ ưu tiên. Các vấn đề lặp lại nhiều lần có thể là những vấn đề quan trọng hơn và cần phải lưu ý. Có thể đánh giá các vấn đề do các bên liên quan xác định so với với kết quả của các chỉ số, nghiên cứu ngành và ý kiến của chuyên gia kỹ thuật để kiểm tra lại. Tuy nhiên, ngay cả khi không có thông tin, số liệu hỗ trợ thì ý kiến của các bên liên quan cũng cần được ghi nhận nghiêm túc và đưa vào xác định vấn đề.

#### Xác định vấn đề qua ý kiến của chuyên gia

1. Các chuyên gia kỹ thuật có kiến thức chuyên sâu về tài nguyên nước và các vấn đề của ngành và sẽ có khả năng đưa ra đánh giá khách quan. Các chuyên gia kỹ thuật có thể có hiểu biết kỹ thuật về các vấn đề sâu sắc hơn các nhà quản lý, kể cả hiểu biết về những hạn chế thật sự và các giải pháp để giải quyết vấn đề. Có thể tập hợp ý kiến của các chuyên gia kỹ thuật thông qua các báo cáo của tư vấn, tham gia tại các hội thảo, gặp gỡ riêng, vv.
2. Cần đánh giá ý kiến của chuyên gia kỹ thuật dựa trên thông tin và số liệu hỗ trợ. Các vấn đề do các chuyên gia kỹ thuật xác định cần được giới hạn trong bối cảnh liên quan đến nền kinh tế, việc làm và sử dụng nước. Điều quan trọng là phải tạo ra tính tin cậy và xác thực bằng cách đảm bảo tất cả các nguồn thông tin đều được sử dụng đúng chỗ, với đầy đủ ngày tháng và nguồn số liệu

#### Tổng hợp các vấn đề

1. Tất cả các vấn đề đã xác định cần được tổng hợp và đánh giá dựa trên thông tin và số liệu và các vấn đề phát triển từ mọi nguồn. Việc này sẽ đảm bảo các vấn đề được nhiều người thừa nhận nhất và có thông tin và phân tích chắc chắn nhất sẽ “nổi bật lên trên”. Kết quả của phân tích này cần đưa vào Báo cáo Hiện trạng.

### Viết Báo cáo Hiện trạng và lấy ý kiến góp ý

1. Sau khi hoàn thành các hoạt động trên, giờ có thể hoàn chỉnh Báo cáo Hiện trạng. Dưới đây trình bày gợi ý đề cương chung cho Báo cáo Hiện trạng. Báo cáo Hiện trạng cần tập trung vào những vấn đề chính cùng với thông tin và số liệu yêu cầu để hỗ trợ cho những phát hiện đó. Có thể đưa vảo thông tin bổ sung nếu có thể giúp quá trình ra quyết định cần thiết cho việc xây dựng nhiệm vụ quy hoạch. Báo cáo hiện trạng không nên là một mớ ngổn ngang với tất cả thông tin và số liệu thu thập được mà phải là một báo cáo có trọng tâm, trình bày phân tích và đánh giá kỹ càng về các vấn đề và nội dung. Đề cương gợi ý như sau:

Phần A. Giới thiệu

Phần B. Mô tả vật lý về lưu vực

Phần C. Hiện trạng tài nguyên nước

Phần D. Hiện trạng tài nguyên nước dưới đất

Phần E. Điều kiện kinh tế - xã hội của lưu vực

Phần F. Các ngành liên quan đến nước: hiện trạng và những vấn đề lớn

Phần G. Đầu tư cho ngành nước và các ngành liên quan

Phần H. Tóm tắt các vấn đề

1. Vì Báo cáo Hiện trạng là một mốc quan trọng trong quá trình quy hoạch nên việc tham vấn là rất cần thiết để trình bày, thảo luận và thu nhận ý kiến phản hồi về những phát hiện của Báo cáo và những vấn đề chính mà báo cáo đưa ra. Việc tham vấn nên tập trung vào trình bày những phát hiện cho đông đảo các bên liên quan và tiếp nhận sự ủng hộ ban đầu và/hoặc giải thích về những vấn đề chính.

## Sắp xếp các vấn đề theo thứ tự ưu tiên và xác định mục tiêu

1. Mục đích của hoạt động này nhằm thiết lập các vấn đề ưu tiên mà Nhiệm vụ quy hoạch (hay quy hoạch tài nguyên nước cho một lưu vực sông) sẽ giải quyết, và dựa trên những ưu tiên này để xác định hoặc đề ra mục tiêu. Các nhà quy hoạch cần:

* Xác định những vấn đề lớn từ Báo cáo hiện trạng;
* Sắp xếp vấn đề theo thứ tự ưu tiên để chú trọng vào những vấn đề quan trọng nhất mà quy hoạch cần giải quyết;
* Tiếp nhận sự đóng góp của các bên liên quan về thứ tự ưu tiên của các vấn đề;
* Xây dựng mục tiêu cho quá trình quy hoạch và Nhiệm vụ quy hoạch hoặc quy hoạch tài nguyên nước cần thực hiện.

### Sắp xếp các vấn đề theo thứ tự ưu tiên

1. Báo cáo Hiện trạng sẽ xác định một loạt các vấn đề nhưng không thể giải quyết tất cả một cách hiệu quả trong Nhiệm vụ quy hoạch. Để có thể quản lý được quá trình này, cần sắp xếp các vấn đề theo thứ tự ưu tiên. Quá trình sắp xếp theo thứ tự ưu tiên này có thể xem xét các vấn đề trên toàn lưu vực, các vấn đề ở tiểu lưu vực, các vấn đề về quản lý, và các vấn đề của từng ngành cụ thể.
2. Cần trích các vấn đề từ Báo cáo Hiện trạng rồi đặt vào một danh sách tổng, phân loại và đánh số. Báo cáo Hiện trạng xác định ra nhiều vấn đề vì vậy cần nhóm một số vấn đề đặc trưng thành một vấn đề ít đặc trưng hơn để phân tích sau này. Cần rà soát danh sách để tránh trùng lặp hoặc mập mờ.
3. Trong quá trình sắp xếp vấn đề theo thứ tự ưu tiên cần đặt ra các tiêu chí để xác định ưu tiên. Có thể xem xét các điều kiện sau:

* Các yếu tố quản lý cần thiết để quy hoạch và quản lý nước hiệu quả;
* Khoảng cách lớn giữa điều kiện hiện tại và sử dụng bền vững và bảo vệ nguồn nước, hoặc bảo vệ cộng đồng khỏi các thảm họa tự nhiên; cũng như nhu cầu nước hay mục tiêu;
* Các điều kiện dự kiến sẽ tạo ra khoảng cách lớn giữa tình trạng của tài nguyên nước và bảo vệ nguồn nước, hoặc bảo vệ cộng đồng khỏi các thảm họa tự nhiên; cũng như nhu cầu nước hay mục tiêu;
* Các vấn đề liên quan đến những chủ đề lớn đặc biệt quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế và phát triển;
* Các vấn đề liên quan đến việc làm, đói nghèo, an ninh lương thực, hoặc các vấn đề xã hội lớn; hoặc
* Các vấn đề liên quan đến điều kiện môi trường, ô nhiễm hoặc suy thoái nguồn nước.

1. Các nhà quy hoạch và các bên liên quan cần làm việc với nhau để xác định các tiêu chí xếp hạng cuối cùng; một số tiêu chí có thể đã được xác định từ trước trong quá trình xây dựng quan điểm chính sách.
2. Điều quan trọng là phải lôi cuốn các bên liên quan tham gia vào sắp xếp các vấn đề theo thứ tự ưu tiên cho Nhiệm vụ quy hoạch (hoặc quy hoạch tài nguyên nước cho một lưu vực sông) và phải đạt được hiểu biết chung về những vấn đề quan trọng nhất cần lưu tâm. Quá trình lôi cuốn các bên liên quan tham gia vào sắp xếp thứ tự ưu tiên này phải được xác định rõ trong SPP.
3. Kết quả của hoạt động này sẽ là xác định được danh sách rút gọn các vấn đề lớn mà Nhiệm vụ quy hoạch sẽ giải quyết. Đây là những vấn đề mà Nhiệm vụ quy hoạch sẽ đưa ra kiến nghị về các hành động tiếp theo trong giai đoạn quy hoạch chi tiết. Ví dụ, các kiến nghị có thể gồm một kiến nghị về xây dựng quy hoạch tài nguyên nước trong đó đặt ra phạm vi và các khía cạnh quản lý nước sẽ được nghiên cứu trong quy hoạch (VD: phân bổ nước, kiểm soát ô nhiễm, lũ lụt), phạm vi địa lý, khung thời gian, trách nhiệm, vv.

### Đề ra mục tiêu cho quy hoạch và quản lý tài nguyên nước

1. Mặc dù các vấn đề đã sắp xếp theo thứ tự ưu tiên làm nổi bật những **vấn đề** chính cần khắc phục, nhưng mục tiêu sẽ giúp xác định những **giải pháp** nào cho các vấn đề đó. Ví dụ, một vấn đề có thể là thiếu nước trong mùa khô khiến không đủ nước tưới ở đồng bằng. Khi đó, có thể giới hạn mục tiêu đối với vấn đề đó ở chỗ phải làm tăng dòng chảy mùa khô ở đồng bằng để thỏa mãn nhu cầu tưới. Mục tiêu này sẽ hướng các nhà quy hoạch tới những loại giải pháp họ nên xem xét (có nghĩa là các giải pháp làm tăng dòng chảy trong sông).
2. Mục đích ở đây nhằm xác định hoặc hình thành một số mục tiêu mà các biện pháp và giải pháp quy hoạch tài nguyên nước phải bao quát: những mục tiêu này sẽ tạo ra trọng tậm cho tất cả các hoạt động của nhiệm vụ quy hoạch. Các mục tiêu có thể là (i) mục tiêu chung cho toàn lưu vực, hoặc (ii) mục tiêu cụ thể cho một tiểu lưu vực hoặc các vùng/vấn đề cụ thể.
3. Mục tiêu là một tuyên bố hướng tới vấn đề, nó phản ánh những ưu tiên thực tiễn cho Nhiệm vụ quy hoạch. Nó sẽ vạch hướng đi cho tương lai bằng cách tập trung vào những hoạt động của Quy hoạch hướng tới các mục đích đã xác định rõ ràng và các chủ trương chính sách. Các mục tiêu phải cụ thể và có tính thực tiễn. Quá trình hình thành mục tiêu như sau:
4. Xác định các vấn đề ưu tiên;
5. Quyết định hoặc xác định mục tiêu; và
6. Xác định chính sách hoặc chiến lược để giải quyết các vấn đề nhằm đạt được mục tiêu.
7. Đặt ra mục tiêu trước khi hành động có ý nghĩa quan trọng vì một số lý do sau:

* Xác định các mục tiêu cụ thể, như vậy mọi hành động và nỗ lực đều có trọng tâm.
* Đưa ra ý tưởng rõ ràng về những việc cần làm trong một khoảng thời gian nào đó.
* Thúc đẩy các nhà lãnh đạo và nhóm công tác bằng cách xác định những kết quả có thể đạt được.
* Tạo phương tiện để đánh giá sự tiến bộ hoặc thành công của một hành động hoặc dự án.

1. Các mục tiêu quy hoạch có ý nghĩa quan trọng để chỉ đạo việc lựa chọn các biện pháp và giải pháp của Nhiệm vụ quy hoạch. Các mục tiêu xác định rõ trọng tâm của quá trình quy hoạch và cần dựa trên các vấn đề ưu tiên đã xác định, điều này lại là sự phản ánh trung thực nhu cầu và mong muốn của cộng đồng, và sau khi tham vấn với các bên liên quan. Các mục tiêu có thể xuất phát từ một số chiến lược và kế hoạch cho các tỉnh hoặc ngành và có thể sử dụng luôn hoặc sửa đổi cho Nhiệm vụ quy hoạch.
2. Mỗi mục tiêu quy hoạch cần bao quát một vấn đề hoặc nhóm vấn đề cho trước. Mục tiêu đó phải được phải thị theo cách đủ rộng để bao trùm mọi khía cạnh của vấn đề, nhưng cũng đủ cụ thể để cho phép xác định các mục tiêu có thể đo lường được.
3. Trong những trường hợp khác, mục tiêu cần phải do các nhà quy hoạch xác định. Cách tốt nhất để xây dựng mục tiêu quy hoạch là hãy lấy riêng từng vấn đề ưu tiên và trình bày lại thành một tuyên bố về kết quả. Một tuyên bố kết quả là mô tả cái cần thiết để giải quyết vấn đề. Từ các tuyên bố kết quả đó, có thể xác định được mục tiêu quy hoạch tài nguyên nước.
4. Nhiệm vụ đối với các nhà quy hoạch là lấy mỗi vấn đề ưu tiên đã thống nhất và biến nó thành các tuyên bố kết quả cần đạt được làm cơ sở để xác định mục tiêu quy hoạch tài nguyên nước. Tuy nhiên, tuyên bố kết quả cần phải lượng hóa được để trở thành thật sự hữu ích cho quy hoạch và đặc biệt cho việc thực hiện một quy hoạch. Vậy nên các bước tiếp theo sẽ là sửa lại các tuyên bố kết quả thành các mục tiêu được xác định rõ để có thể nhằm tới và đo lường được tiến bộ trong phạm vi quy hoạch. Những loại mục tiêu này có đặc điểm “SMART”.

### Làm cho các mục tiêu trở nên "SMART"

1. Đặc điểm "SMART" là Cụ thể (S), Đo lường được (M), Có thể đạt được (A), Phù hợp (R) và Có giới hạn thời gian (T), và được mô tả chi tiết dưới đây.

***S(*cụ thể)**: Các mục tiêu phải cụ thể. Mục tiêu phải mô tả rõ kết quả mong muốn. Thay vì nói “tăng cường năng lực ở Cục QLTNN”, mục tiêu phải là “tăng cường năng lực bằng cách cung cấp tấp huấn về lập mô hình và dự báo nhu cầu nước.”

***M*(đo lường được)**: Các mục tiêu phải đo lường được. Để có thể sử dụng các mục tiêu này như một phần của quá trình đánh giá thì mục tiêu phải rất rõ ràng là có đạt được hay không. Thay vì nói "nâng cao nhận thức của các bên liên quan" thì mục tiêu phải là "nâng cao nhận thức của các bên liên quan lên 15% thông qua sử dụng cuộc điều tra mức sống hộ gia đình".

***A(*có thể đạt được)**: Các mục tiêu phải có thể đạt được. Ví dụ, một mục tiêu đề ra là "100% nhận thức của các bên liên quan" là không thể đạt được trên thực tiễn. Không thể mong đợi tất cả mọi người đều nhận thức được 100%. Mục tiêu là "cải thiện 15% nhận thức của các bên liên quan” là có thể đạt được.

***R(*phù hợp)**: Các mục tiêu phải phù hợp, điều này có ý nghĩa quan trọng đối với các nhà quy hoạch, nhà quản lý và các bên liên quan. Mục tiêu phù hợp là những mục tiêu gắn liền với điều kiện thực tế của tài nguyên nước và khai thác và sử dụng nước. Các mục tiêu đó cũng liên quan đến quy hoạch, chức năng và năng lực của các cơ quan quản lý.

***T(*giới hạn về thời gian)**: Các mục tiêu phải dựa trên thời gian. Nói cách khác, không chỉ đơn giản nói “nâng cao nhận thức của các bên liên quan lên 15%”, mà phải là “nâng cao nhận thức của các bên liên quan lên 15% đến tháng 6 năm 2015." Đây là cái neo cuối cùng trong việc làm cho mục tiêu trở thành sự thật và hữu hình.

1. Các tuyên bố kết quả, xuất phát từ các vấn đề ưu tiên, giờ đã có thể chuyển thành các mục tiêu SMART. Các nhà quy hoạch cần liên tục củng cố các mục tiêu quy hoạch bằng cách đảm bảo chúng luôn có đặc điểm SMART.

## Xác định các hoạt động quy hoạch tiếp theo (phương án và giải pháp)

1. Sau khi đã xác định được vấn đề chính và tương ứng với mục tiêu quy hoạch đã đề ra, cần xác định các hoạt động quy hoạch cụ thể tiếp theo; đặc biệt là soạn Đề cương cho giai đoạn quy hoạch tài nguyên nước tiếp theo. Mục đích của Hoạt động quy hoạch tiếp theo là mô tả quy hoạch tài nguyên nước sẽ làm gì để có thể giải quyết được các vấn đề và đạt được mục tiêu thông qua quá trình quy hoạch. Phần này sẽ gồm toàn bộ nội dung đã xác định trong Điều 20 (c và d) của LTNN. Mỗi nhiệm vụ quy hoạch sẽ gồm một bộ các hoạt động quy hoạch mà cùng với nhau chúng sẽ giải quyết các vấn đề chính một cách toàn diện trong bối cảnh để đạt được các mục tiêu đã đề ra.
2. Nhiệm vụ quy hoạch sẽ được lập để giải quyết các vấn đề ưu tiên cụ thể cho lưu vực sông và cho mỗi tiểu lưu vực hoặc vùng tùy theo. Mỗi nhiệm vụ quy hoạch sẽ gồm các mục tiêu cụ thể để hướng dẫn các hoạt động quy hoạch để giải quyết mối vấn đề. Sau đó, nhiệm vụ quy hoạch sẽ xác định ra một kế hoạch, ngân sách chung và các nguồn lực cần thiết cho mỗi hoạt động theo mục tiêu đề ra. Có thể xây dựng các hoạt động chi tiết hoặc bổ sung trong các hoạt động quy hoạch tiếp theo.
3. Mỗi nhiệm vụ quy hoạch sẽ được phát triển trong một khung logic trong đó vạch ra các vấn đề ưu tiên, mục tiêu liên quan và các hoạt động quy hoạch để giải quyết vấn đề.
4. Bước này sẽ được tiến hành cẩn thận cho lưu vực và mỗi tiểu lưu vực hoặc vùng nếu cần thiết. Ví dụ được trình bày dưới đây (Bảng 5).

### Xác định các hoạt động quy hoạch tiếp theo

1. Để xác định các hoạt động quy hoạch cụ thể, có thể tiến hành các bước chuẩn bị sau:
2. Xác định quy mô của mỗi vấn đề: cấp lưu vực, tiểu lưu vực hay một địa phương xác định nào khác;
3. Phân loại mỗi vấn đề, ví dụ liên quan đến phân bổ nước, bảo vệ nguồn nước, hay giảm thiểu tác hại do nước gây ra. Một vấn đề có thể thuộc 1, 2 hoặc cả ba loại.
4. Phân loại mỗi vấn đề theo ngành liên quan (ví dụ: chống lũ, tưới, thủy điện, vv); liệt kê nhiều ngành nếu phù hợp.
5. Sau khi đã hoàn thành việc này, có thể xây dựng Nhiệm vụ Quy hoạch cụ thể cho lưu vực, tiểu lưu vực hoặc vùng sử dụng bảng đã xây dựng theo vấn đề, mục tiêu và hành động. Các vấn đề và mục tiêu đã được xác định trước và có thể điền vào tương ứng. Các nhà quy hoạch có thể xác định xem những hoạt động nào là phù hợp để điền vào bảng như thể hiện trong Bảng 3

Bảng 3: Nhiệm vụ quy hoạch tiểu lưu vực sông Nhuệ - Đáy

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Vấn đề ưu tiên** | **Mục tiêu** | **Hoạt động quy hoạch** |
| - Thiếu nước dẫn đến sông bị cạn kiệt (cả tiểu lưu vực sông Nhuệ - Đáy) | - Khôi phục sông để đạt QCVN 08:2008 cho 40% chiều dài sông | + Xây dựng quy hoạch phân bổ nước (quy mô lưu vực có tính đến điều tiết nước từ các tiểu lưu vực khác); |
| - Ô nhiễm nước (toàn tiểu lưu vực) | Cải thiện chất lượng nước để đạt QCVN 08:2008 cho 40% chiều dài sông | + Xây dựng quy hoạch bảo vệ nước cho tiểu lưu vực sông Nhuệ - Đáy |
| - Ngập úng ở vùng… | - Chứa lũ và tiêu để giảm 10% dòng chảy lũ cho các trận lũ có tần suất xuất hiện 250 năm/lần  - Đến năm 2025, giảm diện tích bị ngập thường xuyên xuống 75%. | + Cải thiện hành lang thoát lũ ra biển và xây dựng quy hoạch tiêu, có tính đến tiêu cho nông nghiệp và tiêu cho đô thị (kết hợp với quy hoạch chống lũ) |
| … | … | … |

*Ghi chú: Bảng này chỉ là ví dụ và không thể hiện hay bao quát các loại vấn đề thực tế ở tiểu lưu vực này.*

### Sắp xếp công việc và nguồn lực để tiến hành các hoạt động quy hoạch tiếp theo của quy hoạch tài nguyên nước (QHTNN)

1. Sau khi đã các định đầy đủ các hoạt động quy hoạch, cần xác định những sắp xếp công việc và nguồn lực cần thiết để nhiệm vụ quy hoạch cụ thể. Mỗi nhiệm vụ quy hoạch phải bao trùm các chủ đề sau:

* Xác định cách quản lý thực hiện QHTNN; quản lý tài chính, tổ chức thực hiện (các cơ quan nào cần tham gia? ở ngành nào?); các chương trình chính?
* Liệt kê tất cả các nguồn lực cần thiết để thực hiện QHTNN, ví dụ:
  + Chuyên môn: các chuyên gia về nông nghiệp, tưới, công nghiệp, cấp nước đô thị, cấp nước nông thôn, xã hội, kinh tế, thủy điện, môi trường,vv
  + Các mô hình toán cần thiết để thực hiện Quy hoạch phân bổ nước, quy hoạch phòng chống thiên tai…
  + …
* Liệt kê các thông tin và số liệu bổ sung cần thiết để thực hiện QHTNN (hầu hết các thông tin và số liệu đã được thu thập trong giai đoạn Nhiệm vụ quy hoạch)
  + Các ngành khác: quy hoạch, kế hoạch, chiến lược, quy chuẩn, các hiệp định quốc tế; phát triển kinh tế - xã hội
  + Khai thác và sử dụng nước, các kế hoạch điều tiết nước hiện có; dịch vụ nước
  + Số liệu khí tượng thủy văn: các trạm? Liệt số liệu? Lượng mưa? Dòng chảy? số giờ nắng? để tính nhu cầu nước.
  + Số liệu địa hình: mặt cắt ngang (ở đâu? Thời gian nào? Để áp dụng mô hình thủy lực (nếu có)
  + Sử dụng đất; niên giám thống kê quốc gia (TCTK); niên giám thống kê của các tỉnh (những tỉnh nào)
  + Bản đồ: số hóa hay bản đồ giấy
  + Số liệu chất lượng nước: ở đâu? hời gian nào?
  + …
* Khảo sát thực địa cần thiết: bao nhiêu chuyến? ở đâu? mục đích
  + Xác định xem có cần khảo sát thực địa không: VD: khảo sát tổng hợp để thu thập số liệu và khảo sát thực địa để kiểm tra tình hình khai thác và sử dụng nước ở một số tuyến quan trọng.
* Khảo sát đo đạc cần thiết: loại khảo sát nào; ở đâu? Thời gian nào (VD: đo dòng chảy kiệt vào tháng 1 ở hạ lưu đập Thác Huống...)
* Liệt kê các nghiên cứu/chương trình bổ sung:
  + Nghiên cứu môi trường sinh thái vùng ….(VD: Đồng bằng sông Hồng - Thái Bình)
  + Nghiên cứu thủy sản
  + …
* Liệt kê các cuộc họp, hội thảo cần thiết
* Khác

### Kinh phí cần thiết để tiến hành các hoạt động QHTNN

1. Sau khi đã xác định được những sắp xếp công việc và nguồn lực cần thiết, có thể tham khảo các định mức khoán phù hợp của chính phủ để tính toán kinh phí cần thiết cho mỗi nhiệm vụ quy hoạch. Kinh phí cần thiết cho quy hoạch tài nguyên nước dựa trên các hoạt động quy hoạch đã xác định trước đó (các hoạt động quy hoạch tài nguyên nước) và thông tư số 15/2009, ngày 4/10/2009 của Bộ TNMT về “Định mức lập quy hoạch tài nguyên nước”. Các tài liệu sẽ được sử dụng để tính dự toán cần thiết cho lập QHTNN (cho toàn lưu vực và các tiểu lưu vực/vùng; và tất cả các quy hoạch bảo vệ/phân bổ nước hoặc chống lũ), bao gồm:

* Kinh phí cần thiết để lập quy hoạch phân bổ nước hoặc quy hoạch bảo vệ nước hoặc quy hoạch phòng, chống tác hại do nước gây ra hoặc tất cả 2 hoặc 3 quy hoạch đó; và
* Kinh phí cần thiết để mua gói bộ mô hình máy tính (nếu có)
* Kinh phí cần thiết để khảo sát đo đạc (nếu có)
* Kinh phí cần thiết để thu thập thông tin và số liệu đặc biệt
* Kinh phí cần thiết cho các nghiên cứu bổ sung
* Kinh phí cần thiết cho các cuộc họp, hội thảo
* Dự phòng phí
* Tổng kinh phí cần thiết

1. Tiếp tục ví dụ về tiểu lưu vực sông Nhuệ - Đáy, phần về kinh phí được trình bày dưới đây:

#### Ví dụ: Lập dự toán cho Nhiệm vụ quy hoạch 1: tiểu lưu vực sông Nhuệ - Đáy

Các Nhiệm vụ quy hoạch đã nêu trong Bảng 1:

- Quy hoạch phân bổ nước – phạm vi: **Lưu vực sông Hồng - Thái Bình**

- Quy hoạch bảo vệ nguồn nước – phạm vi: **Tiểu lưu vực sông Nhuệ - Đáy**

- Quy hoạch tiêu cho nông nghiệp và đô thị – phạm vi: **Tiểu lưu vực sông Nhuệ - Đáy**

Bảng 4: Dự toán kinh phí cho Nhiệm vụ quy hoạch 1: Tiểu lưu vực sông Nhuệ - Đáy

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Loại quy hoạch** | **Diện tích (km2)** | **Chi tiết dự toán** | **Chi phí**  **(triệu đồng)** |
| 1. Quy hoạch phân bổ nước | 87,800 (toàn bộ lưu vực sông Hồng - Thái Bình - phần trên lãnh thổ Việt Nam) | 1. **Dự toán cho Quy hoạch phân bổ nước:**  * Tính toán diện tích lưu vực - vùng nghiên cứu * Tính toán tất cả các hệ số sử dụng để dự toán cho QHTNN: k1, K2, K3, K4, Kf, Kkh (đối với lưu vực sông Hồng - TB*: K1=1,5; K2=1,3; K3=1,3; K4=1,1; Kkh=0,85; Kf=8,4*) * Tính toán hệ số tổng hợp (từ K1 – Kkh) *Ktổng hợp=15,078 (*đối với lưu vực sông Hồng - TB) * Tính chi phí trực tiếp (theo Thông tư số 15/2009 ngày 5/10/2009 của Bộ TNMT) * Tính chi phí chung cho Quy hoạch hợp phần phân bổ nước | 10.367,665 |
| 1. Quy hoạch bảo vệ nguồn nước | Diện tích tiểu lưu vực sông Nhuệ-Đáy: 6600 km2 (kể cả sông Nhuệ và Đáy) | 1. Dự toán cho quy hoạch bảo vệ nguồn nước sông Nhuệ-Đáy *đối với lưu vực sông Nhuệ hoặc Đáy: k1=1,15; K2=1,15; K3=1,3; K4=0,85; Kkh=0,85; Kkh=2,85*) | 1.718,737 |
| 1. ….. | ….. | 1. …………….. | …………. |
| Tổng (1-n) |  |  | C(1-n) |
| Chi phí khác   * Hội thảo | 1,5% C |  | D=1,5% C(1-n) |
| * Chi phí bổ sung cho khảo sát đo đạc…. |  |  | AD |
| TỔNG CHI PHÍ |  |  | = C(1-n)+D+AD |

*Ghi chú: Bảng này chỉ là ví dụ và không thể hiện hay bao quát các loại chi phí thực tế cho hoạt động quy hoạch ở tiểu lưu vực này.*

### Kế hoạch và thời gian thực hiện các hoạt động quy hoạch tiếp theo

1. Cuối cùng, cần soạn thảo kế hoạch và thời gian thực hiện Nhiệm vụ quy hoạch. Cần lập kế hoạch để tiến hành tất cả hoạt động của mỗi nhiệm vụ quy hoạch sao cho ngân sách được phân bổ kịp thời. Bảng kế hoạch cần chỉ ra trình tự của từng hoạt động quy hoạch tiếp theo, xác định ai là đối tác và xác định các cơ quan thực hiện. Ví dụ tóm tắt về bảng kế hoạch và thời gian thực hiện được trình bày dưới đây:

Bảng 5: Ví dụ kế hoạch thực hiện hoạt động quy hoạch tài nguyên nước (tiếp theo)

**Kế hoạch thực hiện các hoạt động QHTNN**

Hoạt động

1

2

3

4

5

6

7

8

9

10

11

12

1

2

3

4

5

6

7

8

9

10

11

12

I

**Chuẩn bị QHTNN**

Nhân sự & chi phí ban đầu

Thu thập số liệu

IKhảo sát đo đạc

Thiết bị, kể cả mô hình

II

**Hoạt động quy hoạch**

1

Hoạt động 1

2

Hoạt động 2

3

Hoạt động 3

III

**Hội thảo**

Hội thảo 1

v

Hội thảo 2

v

Hội thảo 3

v

Hội thảo 4

v

IV

**Hoàn thiện QHTNN**

V

**Nộp lên cấp trên để**

**phê duyệt**

2014

2015

### Đánh giá các hoạt động của Nhiệm vụ quy hoạch

1. Đánh giá thường mang tính chất khái quát và sẽ giúp các nhà quy hoạch đảm bảo các quy hoạch tài nguyên nước tiếp theo giải quyết đầy đủ các hợp phần khác nhau của phát triển bền vững: kinh tế, xã hội và môi trường. Cần đánh giá ở mức độ nào và cần xem xét chi tiết nào là do các nhà quy hoạch quyết định. Một nguyên tắc chung để quyết định việc này là nguồn lực dành cho đánh giá phải tỉ lệ với quy mô hoặc tầm quan trọng của mục tiêu và nguồn lực mà các nhà quy hoạch có. Việc đánh giá nỗ lực tương xứng này này phải xem xét đến tổng nguồn lực có trong đề xuất. Đánh giá ở cấp nhiệm vụ quy hoạch sẽ đơn giản hơn nhiều so với đánh giá một quy hoạch tài nguyên nước, và nhằm đảm bảo các nguyên tắc của phát triển bền vững được xem xét đầy đủ trong nhiệm vụ quy hoạch.
2. Mục đích chung ở giai đoạn này là xác định những hoạt động quy hoạch cụ thể có thể đóng góp lớn cho mục tiêu đề ra. Nếu đánh giá Nhiệm vụ quy hoạch cho thấy có khiếm khuyết trong các khía cạnh kinh tế, xã hội hoặc môi trường thì cần sửa đổi Nhiệm vụ quy hoạch để đem lại sự cân bằng mong muốn hơn.
3. Do tầm quan trọng của sự tham gia của các bên liên quan vào giai đoạn này nên việc lựa chọn các phương án có thể tác động đến họ theo nhiều cách - điều quan trọng là lôi cuốn các bên liên quan tham gia vào quyết định các phương án và việc này cần đưa vào Kế hoạch tham gia của các bên liên quan.

### Viết tường tận kết quả cho các hoạt động quy hoạch tiếp theo

1. Vào giai đoạn này có thể hoàn thiện đánh giá các hoạt động quy hoạch tiếp theo. Các bước còn lại như sau:

* Viết tường tận chi tiết về bất kỳ giả định và tính toán nào;
* Tóm tắt các kết quả chính của mỗi hoạt động quy hoạch, kể cả giải thích về các phương án bị bác bỏ;
* Phác thảo bất kỳ hoạt động quy hoạch kiến nghị nào dựa trên đánh giá và căn cứ vào mục tiêu liên quan hoặc các vấn đề chính.
* Hoàn chỉnh các nguồn lực, kinh phí và sắp xếp công việc cần thiết.
* Đưa vào kế hoạch thực hiện mỗi nhiệm vụ quy hoạch.
* Xác định hoạt động tiếp theo cho các hoạt động quy hoạch tiếp theo.

# HOÀN CHỈNH NHIỆM VỤ QUY HOẠCH

1. Các hoạt động còn lại để hoàn chỉnh Nhiệm vụ quy hoạch gồm:
2. Hoàn chỉnh dự thảo Báo cáo Nhiệm vụ quy hoạch,
3. Báo cáo và tổ chức tham vấn về dự thảo Báo cáo Nhiệm vụ quy hoạch, và
4. Đạt được phê chuẩn cuối cùng.

## Soạn thảo báo cáo dự thảo

1. Luật Tài nguyên nước quy định nội dung yêu cầu của Nhiệm vụ quy hoạch. Báo cáo Nhiệm vụ quy hoạch cần có cấu trúc theo nội dung yêu cầu trong Điều 20.
2. Dựa vào Điều 20 và ví dụ trong Phần 4.5, có thể soạn thảo Báo cáo Nhiệm vụ quy hoạch cuối cùng.
3. Báo cáo Nhiệm vụ quy hoạch phải đưa ra chỉ dẫn rõ ràng về các hành động cần thực hiện trong các hoạt động quy hoạch tài nguyên nước tiếp theo. Mỗi nhiệm vụ quy hoạch phải giải quyết một nội dung. Các nhiệm vụ quy hoạch phải nêu dược những vấn đề chính và mục tiêu tương ứng. Việc này sẽ đưa ra tuyên bố rất rõ ràng về vấn đề và dự kiến làm gì để đạt được mục tiêu. Tiếp đó là phần trình bày vắn tắt các thông tin hỗ trợ để mô tả vấn đề và giải thích cho nhiệm vụ (ví dụ tính chất của vấn đề là gì, vấn đề xảy ra ở đâu, ở cấp nào, vv?). Tuyên bố vắn tắt này chỉ nên đề cập thông tin cơ bản nhất, nhưng cũng nhắc đến Báo cáo Hiện trạng như một nguồn thông tin chi tiết, để giải thích tại sao nhiệm vụ đó được đưa vào Báo cáo Nhiệm vụ quy hoạch.
4. Nhiệm vụ quy hoạch cũng cần liệt kê các hoạt động quy hoạch tiếp theo để giải quyết các vấn đề chính. Phần này sẽ xác định các đối tượng và phạm vi của mỗi hoạt động. Điều quan trọng là phải nhớ rằng nhiệm vụ quy hoạch xác định các hành động quy hoạch chứ không thực hiện các giải pháp cụ thể. Cuối cùng, mỗi nhiệm vụ quy hoạch cần đề ra hành động cụ thể, kinh phí dự kiến và kế hoạch thực hiện cho nhiệm vụ quy hoạch đó.
5. Báo cáo Nhiệm vụ quy hoạch cần xác định nguồn lực cần thiết để hoàn thành mỗi hoạt động quy hoạch. Nhiệm vụ quy hoạch cần đánh giá xem các hoạt động quy hoạch cụ thể có phù hợp với năng lực của các cơ quan chịu trách nhiệm dự kiến hay không, và nếu không họ cần tăng cường những năng lực đó như thế nào để có thể đảm đương được nhiệm vụ quy hoạch và các hoạt động cần thực hiện một cách hiệu quả.
6. Cần có một phần tóm tắt chung về các biện pháp và yêu cầu cho tất cả các Nhiệm vụ quy hoạch. Phần này tóm tắt tất cả các hoạt động kết nối với nhau và các hoạt động quy hoạch làm đầu vào cho các hoạt động quy hoạch tài nguyên nước tiếp theo trong giai đoạn sau.
7. Báo cáo nhiệm vụ quy hoạch cũng nên kiến nghị cơ quan chịu trách nhiệm về các đề xuất cụ thể và các hoạt động kèm theo, bao gồm xác định:

* Trách nhiệm giải trình, đặc biệt trong trường hợp chia sẻ vai trò giữa nhiều cơ quan chịu trách nhiệm.
* Các quy trình hiện có có thể giúp phối hợp và trao đổi thông tin hiệu quả giữa các cơ quan chịu trách nhiệm.
* Các bên liên quan phù hợp (thuộc chính phủ và trong cộng đồng) để thực hiện nhiệm vụ được giao.

## Lấy ý kiến về báo cáo dự thảo

1. Sau khi hoàn thành dự thảo Báo cáo Nhiệm vụ quy hoạch, Bộ TNMT có thể bắt đầu tham vấn các bên liên quan như một phần của quá trình phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch. Sau khi nhận được phản hồi, các nhà quy hoạch sẽ giải quyết tất cả những mối quan ngại do các bên liên quan bày tỏ.
2. Các nhà quy hoạch nên:

* Báo cho các bên liên quan biết rằng đã có dự thảo Báo cáo nhiệm vụ quy hoạch để kiểm tra và góp ý cùng với những chi tiết về cách có được bản báo cáo dự thảo và gửi ý kiến phản hồi.
* Khuyến khích góp ý bằng văn bản và đưa vào biên bản góp ý. Có thể soạn một bản tóm tắt tất cả các ý kiến phản hồi và gửi cho các bên liên quan trong giai đoạn này;
* Phân tích các góp ý và quyết định cách trả lời cho mỗi góp ý đó;
* Ghi lại bất kỳ quyết định và hành động nào trong biên bản góp ý; và,
* Thông báo cho mọi người về các ý kiến đã nhận được và đã được gải quyết như thế nào.

1. Tham vấn về dự thảo Nhiệm vụ quy hoạch là một lĩnh vực quan trọng trong làm việc với các bên liên quan. Sau khi đã lôi cuốn họ tham gia vào quá trình này thì giờ là lúc có được kết quả của tất cả các cuộc thảo luận và phân tích. Quá trình này cần được phác thảo trong Kế hoạch tham gia của các bên liên quan.

### Mô tả các hoạt động

1. Sau khi Bộ TNMT đồng ý công khai Dự thảo Báo cáo nhiệm vụ quy hoạch để tham vấn với các bên liên quan, cần gửi báo cáo cho các bên liên quan kèm theo yêu cầu đóng góp ý kiến. Cần dành thời gian tối thiểu 30 ngày cho các bên liên quan để đọc và góp ý cho dự thảo. Các nhà quy hoạch có thể quyết định các kỹ thuật trao đổi thông tin hiệu quả nhất để tương tác với các bên liên quan và việc này phải là một phần của SPP.
2. Mọi góp ý nhận được đều phải ghi lại cẩn thận và tất cả mọi người tham gia đều được khuyến khích góp ý bằng văn bản trong thời gian lấy ý kiến. Các nhà quy hoạch nên giữ lại một bản sao của tất cả các ý kiến trong một cuốn sổ. Mỗi ý kiến nên có một con số đăng ký, tên của người hoặc tổ chức góp ý, cách thức nhận được ý kiến, tính chất của ý kiến, vv. Cần gửi ý kiến góp ý từ các bên liên quan cho văn phòng quy hoạch để phân tích.
3. Sau khi hết giai đoạn góp ý, các nhà quy hoạch cần phân tích các ý kiến góp ý và quyết định xem trả lời cho mỗi ý kiến đó như thế nào. Ngay cả khi không chấp nhận hoàn toàn và đưa ý kiến của một ai đó vào báo cáo thì điều quan trọng là người tham gia phải biết ý kiến của họ đã được xem xét thế nào và lý do của bất kỳ hành động nào.
4. Các nhà quy hoạch cần soạn “Trả lời ý kiến góp ý”. Không có mẫu cụ thể để soạn một tài liệu như vậy. Phần trả lời cho các góp ý cần phải cung cấp cho từng người đã góp ý bằng văn bản hoặc đã yêu cầu thông báo về quyết định cuối cùng.

## Giám sát và báo cáo

1. Giám sát các nhiệm vụ quy hoạch cung cấp các thông tin quan trọng cần thiết cho các cấp ra quyết định và các bên liên quan để sửa đổi và cải thiện các nỗ lực nhằm quản lý và bảo vệ nguồn nước theo thời gian. Giám sát nên tập trung vào tiến độ thực hiện các mục tiêu cụ thể được đề ra nhiệm vụ quy hoạch.
2. Để hỗ trợ giám sát, cần xây dựng các chỉ số hiệu suất cho từng mục tiêu và hành động và cần xác định rõ phương tiện đánh giá các chỉ số hiệu suất này. Nếu các mục tiêu đã được xây dựng theo đặc điểm SMART thì các chỉ số hiệu suất này sẽ căn cứ trực tiếp vào thành phần có thể đo lường được của từng mục tiêu. Các chỉ số hiệu suất này tạo cơ sở cho việc giám sát tiến độ quy hoạch (hoàn thành các hoạt động và tạo ra các kết quả đầu ra) và đánh giá kết quả đạt được (mục tiêu quy hoạch và tầm nhìn).
3. Cần phác thảo một quy trình thống nhất để báo cáo tiến độ rõ ràng và dễ tiếp cận so với chỉ số hiệu suất. Báo cáo phải dễ dàng truy cập cho tất cả các bên liên quan, kể cả những người phụ thuộc nhiều nhất vào tài nguyên nước. Trách nhiệm, nhiệm vụ trọng tâm, và thời gian cần được xác định rõ để đánh giá tiến độ so với các chỉ số hiệu suất.
4. Nhiệm vụ quy hoạch phải làm rõ những bài học kinh nghiệm đã rút ra qua giám sát và đánh giá sẽ được áp dụng như thế nào cho lập quy hoạch và các hoạt động quản lý trong ương lai. Cần xác định các trường hợp có thể sửa đổi Nhiệm vụ quy hoạch (tức là những điều kiện sẽ dẫn đến phải sửa đổi, ai có thể yêu cầu sửa đổi và một sửa đổi sẽ được thực hiện như thế nào).
5. Cần xây dựng cơ chế báo cáo với các bên liên quan trong quá trình quy hoạch, để đảm bảo trao đổi thông tin liên lạc có hiệu quả.

## Hoàn thiện Nhiệm vụ quy hoạch

1. Đây là nhiệm vụ cuối cùng với mục đích nhằm sửa đổi báo cáo Nhiệm vụ quy hoạch và trình lên cấp trên để phê duyệt.
2. Các hoạt động này khá đơn giản và không cần hướng dẫn:

* Tổng hợp ý kiến góp ý của các bên liên quan và tổ chức thực hiện.
* Trình Nhiệm vụ quy hoạch để phê duyệt.

1. Đối với báo cáo này, dự án sử dụng bản dịch không chính thức Luật Tài nguyên nước năm 2012 của dự án. [↑](#footnote-ref-1)
2. Đối với Nhiệm vụ quy hoạch, các ranh giới thường chủ yếu dựa trên ranh giới thủy văn của lưu vực sông. Nước dưới đất có trong ranh giới đó sẽ được tính vào lưu vực mặc dù ranh giới của nước dưới đất có thể nằm ngoài vùng lưu vực trên mặt đất. [↑](#footnote-ref-2)
3. www.vnwaterresources.com [↑](#footnote-ref-3)